Empowered lives.
Resilient nations.

PHÂN TÍCH GIỚI
TRONG LUẬT BẦU CỬ VIỆT NAM

KHUYẾN NGHỊ CHO BAN SOẠN THẢO LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

PHÂN TÍCH GIỚI
TRONG LUẬT BẦU CỬ VIỆT NAM

KHUYẾN NGHỊ CHO BAN SOẠN THẢO LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo được hoàn thành với sự hỗ trợ của dự án "Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ phục vụ triển khai hội nhập quốc tế" giữa Bộ Ngoại giao và Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP). Trung tâm hỗ trợ giáo dục và Nâng cao năng lực cho nữ giới (CEPEW) đã thực hiện nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo này.

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết phải đại diện cho Liên Hợp Quốc, trong đó có UNDP hoặc bất kỳ thành viên nào của Liên Hợp Quốc.

DANH MỤC VIẾT TẮT

Bộ GT-VT	Bộ Giao thông Vận tải
Bộ KH-ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ NN-TT-NT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bộ TT-TT	Bộ Thông tin và Truyền thông
CEDAW	Công ước xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử chống lại nữ giới
ĐCSVN	Đảng Cộng sản Việt Nam
HĐBCQG	Hội đồng Bầu cử Quốc gia
HĐBCTW	Hội đồng Bầu cử Trung ương
ICCPR	Công ước quốc tế về quyền chính trị, dân sự
LBCĐBQH	Luật bầu cử Đại biểu Quốc hội
LBCĐBHĐND	Luật bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân
LBCĐBQH&ĐBHĐND	Luật bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân
LBĐG	Luật Bình đẳng giới
KHHĐQGBĐG	Kế hoạch hành động quốc gia về Bình đẳng giới
CLQGBĐG	Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới
HĐND	Hội đồng nhân dân
Nước CHXHCNVN	Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
UBTWMTTQVN	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
Hội LHPNVN	Hội Liên hiệp Nữ giới Việt Nam
TW	Trung ương
UBBC	Ủy ban Bầu cử
UBND	Ủy ban nhân dân
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội

TÓM TẮT BÁO CÁO

Các quốc gia trên thế giới đều đang nỗ lực để có các cuộc bầu cử dân chủ, công bằng và không phân biệt đối xử nhằm đảm bảo các quyền chính trị của cả nữ giới và nam giới. Để làm được như vậy, Luật Bầu cử của các quốc gia phải được xây dựng một cách rõ ràng, toàn diện và minh bạch để thu hút sự tham gia của cả nam giới và nữ giới vào quá trình bầu cử.

Việt Nam đang trong quá trình xây dựng Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp phù hợp với Hiến pháp 2013, bao gồm cả việc thành lập Hội đồng Bầu cử Quốc gia. Đây là một cơ hội lớn để đảm bảo các nguyên tắc công bằng giới và không phân biệt đối xử được quy định trong văn bản luật quan trọng này.

Nghiên cứu này được thực hiện để đưa ra các khuyến nghị cho Ban soạn thảo Luật Bầu cử và các bên liên quan khác để thúc đẩy công bằng giới và không phân biệt đối xử trong các cơ quan bầu cử ở tất cả các cấp và trong các tiến trình bầu cử.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, Việt Nam đã phê chuẩn cả hai công ước ICCPR và CEDAW vào năm 1982 và những nguyên tắc tự do, dân chủ, bình đẳng và không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở dân tộc, giới tính, tôn giáo đã được quy định trong cả LBCĐBQH và LBCĐBHĐND. Tuy nhiên, các quy định về trách nhiệm giới, công bằng và trách nhiệm giải trình trong bầu cử chưa được quy định đầy đủ trong những điều khoản liên quan đến tính đại diện của cả nữ giới và nam giới trong các cơ quan dân cử, lựa chọn và giới thiệu ứng cử viên, đăng ký cử tri, sắp xếp danh sách người ứng cử, bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu, tổng kết bầu cử và xử lý vi phạm. Những yêu cầu về tính công bằng và minh bạch trong tổ chức và giám sát của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong quá trình bầu cử như Hội đồng Bầu cử Trung ương, các Ủy ban/Ban/Tổ bầu cử các cấp địa phương không được quy định.

Để bảo đảm LBCĐBQH&ĐBHĐND đưa đến các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp được dân chủ, công bằng và bình đẳng, những khuyến nghị sau đây đã được xây dựng để chuyển tới Ban Soạn thảo của LBCĐBQH&ĐBHĐND dựa trên kết quả nghiên cứu và phân tích giới trong Dự thảo LBCĐBQH&ĐBHĐND ngày 9/9/2014, bao gồm:

- Quy định về các nguyên tắc công bằng và không phân biệt đối xử trong quy trình bầu cử
- Quy định rõ ràng về chỉ tiêu đại biểu là nữ giới và nam giới

- Quy định chỉ tiêu giới trong quy trình lựa chọn và giới thiệu người ứng cử để đảm bảo tối thiểu 35% đại biểu mỗi giới được bầu
- Quy định về trách nhiệm của các bên liên quan trong đảm bảo chỉ tiêu đại biểu và người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND thuộc mỗi giới
- Quy định về chỉ tiêu thành viên HĐBCQG và các tổ chức phụ trách bầu cử cấp địa phương thuộc mỗi giới
- Kéo dài thời gian kể từ ngày công bố bầu cử đến ngày bầu cử là 150 ngày để các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người ứng cử chuẩn bị bầu cử một cách hiệu quả, tăng số lượng cử tri là nữ giới và nam giới được tiếp xúc với những người ứng cử
- Quy định về vai trò của Hội LHPNVN làm việc với các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan trong lập danh sách những người ứng cử tiềm năng là nữ giới
- Quy định về việc kiểm tra giấy từ tùy thân của cử tri góp phần tránh hiện tượng bầu thay, bầu hộ
- Quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyên truyền, vận động bầu cử và lựa chọn người trúng cử
- Quy định về việc lập biên bản và báo cáo tổng kết bầu cử với số liệu có tách biệt giới

GIỚI THIỆU

1.1 Bối cảnh

Quyền tham gia chính trị của nữ giới được khẳng định trong Hiến pháp 2013, LBĐG 2007, LBCĐBQH và LBCĐBHĐND (sửa đổi và bổ sung năm 2010). Tăng cường đại diện nữ giới trong các cơ quan dân cử cũng là một mục tiêu của ĐCS Việt Nam, các cơ quan ban ngành các cấp. Dựa vào Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ chính trị (2007), Chính phủ đã ban hành CLQGBĐG (giai đoạn 2011 – 2020) cụ thể hóa những hướng dẫn để thực hiện và giám sát việc thi hành những văn bản quy phạm pháp luật này. Những hành động cụ thể được yêu cầu phải "phát triển một khung chính sách khuyến khích nữ giới tham gia nhiều hơn vào quá trình quyết định và tăng cường tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp".

Tuy nhiên, trên thực tế, mục tiêu này chưa đạt được. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 cho thấy tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tiếp tục giảm so với những nhiệm kỳ trước, tỷ lệ nữ đại biểu HĐND tăng chậm và không đạt chỉ tiêu 30%. Tỷ lệ nữ giữ các vị trí chủ chốt trong các cơ quan dân cử thấp, chỉ có 3/63 tỉnh/thành phố có nữ giới làm chủ tịch HĐND và chỉ có 1/63 tỉnh/thành phố có nữ giới làm chủ tịch UBND. Mặc dù không thiếu những nữ giới có năng lực nhưng chỉ có 2 trong số 22 thành viên Chính phủ là nữ giới, 2 trong số 16 thành viên Bộ chính trị là nữ giới và 14 trong tổng số 175 ủy viên TW Đảng là nữ giới.

LBCĐBQH&ĐBHĐND được dự thảo bởi Chính phủ bao gồm việc thành lập HĐBCQG theo Hiến pháp 2013. Đây là cơ hội cho nữ giới và các cơ quan đại diện vận động để LBCĐBQH&ĐBHĐND và HĐBCQG được xây dựng nhằm thúc đẩy nhiều nữ giới hơn tham gia chính trị. Vì lý do này, nghiên cứu được thực hiện để đề xuất các khuyến nghị tới Ban soạn thảo LBCĐBQH&ĐBHĐND và các bên liên quan để thúc đẩy bình đẳng giới trong các cơ quan phụ trách bầu cử và trong tiến trình bầu cử.

1.2 Mục tiêu của nghiên cứu

- Tiến hành phân tích giới trong LBCĐBQH và LBCĐBHĐND hiện hành.
- Tiến hành phân tích giới trong quá trình thực hiện LBCĐBQH và LBCHĐND bầu đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016.

- Đưa ra các khuyến nghị để đảm bảo LBCĐBQH&ĐBHĐND và HĐBCQG và ủy ban bầu cử các cấp thúc đẩy dân chủ, công bằng và không phân biệt đối xử trong lựa chọn và giới thiệu người ứng cử và trong quá trình bầu cử để đảm bảo cân bằng giới trong HĐBCQG và thúc đẩy sự tham gia của nữ cử tri.

1.3 Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã phân tích các văn bản liên quan đến bình đẳng giới và không phân biệt đối xử trong lĩnh vực chính trị nói chung và quá trình bầu cử nói riêng như các công ước quốc tế về quyền con người, hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về thúc đẩy sự tham gia của nữ giới trong quá trình bầu cử, Hiến pháp 2013 và các quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, một số quốc gia khác, nơi mà tỷ lệ nữ giới trong Nghị viện cao hơn 30% cũng như các văn bản hướng dẫn và các báo cáo được chuẩn bị cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 ở Việt Nam. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành một số cuộc phỏng vấn sâu với các thành viên của HĐBCTW, Ủy ban bầu cử các tỉnh/ thành phố như Hà Nội, Hòa Bình, Tuyên Quang và Nam Định, những ứng cử viên nữ trúng cử và không trúng cử trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016.

1.4 Nội dung nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu đưa ra các phân tích và bằng chứng nhằm:

- Xác định trách nhiệm giới trong Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn bầu cử
  - ➢ LBCĐBQH, LBCĐBHĐND và các văn bản hướng dẫn có đảm bảo trách nhiệm giới trong bầu cử không?
- Xác định trách nhiệm giới trong thi hành Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn bầu cử
  - ➢ Các bên liên quan thực hiện LBCĐBQH và LBCĐBHĐND (các cơ quan bầu cử các cấp, MTTQVN, Hội LHPNVN) có trách nhiệm giới để đảm bảo bình đẳng giới trong quá trình bầu cử không?
- Đảm bảo nguyên tắc công bằng giới và không phân biệt đối xử đối với nữ giới trong quá trình lựa chọn và giới thiệu ứng cử viên và bầu cử
  - ➢ Nguyên tắc công bằng giới và không phân biệt đối xử có được đảm bảo trong quá trình lựa chọn ứng cử viên, giới thiệu ứng cử và bầu cử không?

1.5 Cấu trúc của báo cáo

Báo cáo được cấu trúc với các nội dung dựa trên những nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong lĩnh vực chính trị trong các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là quốc gia thành viên; những kinh nghiệm hay của quốc tế về lồng ghép giới trong luật bầu cử và các cơ quan phụ trách bầu cử; phân tích giới đối với LBCĐBQH và LBCĐBHĐND và các văn bản hướng dẫn cũng như việc thi hành những văn bản này trong kỳ bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016; và đưa ra những khuyến nghị cho Ban soạn thảo Luật Bầu cử trên khía cạnh bình đẳng giới và không phân biệt đối xử.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1 Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong lĩnh vực chính trị trong các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là quốc gia thành viên

Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác trong cuộc sống nói chung và trong lĩnh vực chính trị nói riêng đã được quy định trong các điều 2, 3, 25 và 26 của ICCPR và trong Lời nói đầu cũng như trong các điều 1, 2, 7 của CEDAW. Điều 3 của CEDAW yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng mọi biện pháp thích hợp, bao gồm cả lập pháp, để thúc đẩy sự phát triển đầy đủ và tiến bộ của nữ giới nhằm đảm bảo các quyền con người và tự do cơ bản dựa trên cơ sở bình đẳng giới. Thêm vào đó, điều 4 của CEDAW cũng quy định chi tiết các biện pháp đặc biệt tạm thời được thực hiện bởi các quốc gia thành viên để thúc đẩy nhanh sự bình đẳng thực chất giữa nữ giới và nam giới và điều này sẽ không được xem là sự phân biệt đối xử nếu vẫn còn sự bất bình đẳng giữa nữ giới và nam giới[1].

Một trong 12 mục tiêu của Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh được thông qua tại Hội nghị Phụ nữ Thế giới lần thứ 4 năm 1995 cũng đề cập đến việc tiếp cận bình đẳng và sự tham gia của nữ giới vào các thiết chế quyền lực và ra quyết định. Cương lĩnh chỉ ra mục tiêu thúc đẩy bình đẳng giới từ bước ứng cử đến bước ra quyết định. Trên cơ sở này, các chiến lược thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được xây dựng và thực hiện ở các nước.

2.2 Kinh nghiệm hay quốc tế về lồng ghép giới trong luật bầu cử và các tổ chức phụ trách bầu cử

Lồng ghép giới trong luật bầu cử

Luật bầu cử là một trong những luật quan trọng nhất có thể ảnh hưởng đến sự tham gia đầy đủ của nữ giới vào tất cả các khía cạnh của quá trình bầu cử.

[1] Việt Nam đã phê chuẩn ICCPR vào ngày 24/9/1982 (có hiệu lực từ 24/12/1982) và phê chuẩn CEDAW vào ngày 17/2/1982 (có hiệu lực từ 19/3/1982).

Việc sửa đổi luật bầu cử là cơ hội cho các quốc gia áp dụng các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong ICCPR và CEDAW vào không chỉ các điều khoản chung mà còn vào tất cả các bước của quá trình bầu cử và hệ thống bầu cử. Hệ thống bầu cử phải không trung tính về giới.

Luật bầu cử phải rõ ràng, toàn diện và minh bạch. Nó đảm bảo rằng không thành tố nào của quá trình bầu cử tạo ra những bất lợi cho nữ giới, dù trực tiếp hay gián tiếp. Việc đảm bảo sự đồng bộ, tương thích giữa luật bầu cử và Hiến pháp và các văn bản luật khác đối với nguyên tắc không phân biệt đối xử và bình đẳng giữa nam, nữ là rất quan trọng.

Lựa chọn và giới thiệu người ứng cử: Việc nhiều hơn hay ít hơn nữ giới được lựa chọn và được giới thiệu trở thành ứng cử viên bởi các đảng chính trị phụ thuộc vào hệ thống bầu cử được quy định bởi luật bầu cử. Với hệ thống bầu cử nhiều người thắng cử (proportional representation electoral system), nhiều nữ giới được giới thiệu hơn so với hệ thống bầu cử một người thắng cử (majority/plurality electoral system). Trong hệ thống bầu cử lựa chọn nhiều người thắng cử, có sự khuyến khích để các đảng chính trị giới thiệu một danh sách đa dạng các ứng cử viên bao gồm cả nữ giới để đảm bảo sự lựa chọn rộng rãi của cử tri. Nếu tỷ lệ nữ giới được đưa vào đủ cao trong danh sách giới thiệu của các đảng chính trị, nơi mà các ứng cử viên được xếp hạng theo thứ tự giới thiệu của đảng, họ sẽ giành được vị trí phù hợp trong Nghị viện. Chỉ tiêu giới như là một biện pháp đặc biệt tạm thời và là một biện pháp phù hợp cho các quốc gia thúc đẩy nhanh bình đẳng giới trong bầu cử[2]. Ví dụ, Pháp và Bỉ có hệ thống bầu cử lựa chọn nhiều người trúng cử. Các đảng chính trị ở Pháp, theo quy định của Luật bầu cử sẽ bị xử phạt bằng tiền nếu vi phạm quy định về việc giới thiệu một số lượng bình đẳng cả nam và nữ ứng cử viên ở tất cả các đơn vị bầu cử nơi các đảng giới thiệu các ứng cử viên. Luật Bầu cử của Bỉ không cho phép các đảng chính trị bỏ qua các chỉ tiêu giới bằng cách xử phạt. Các danh sách ứng cử viên không đáp ứng chỉ tiêu giới như quy định sẽ ngay lập tức không có hiệu lực. Quy định này giúp hạn chế các đảng chính trị tham gia vào bầu cử nếu họ không sẵn sàng hoặc không tuân thủ các chỉ tiêu giới. Theo quy định của Argentina, Bosnia và Herzegovia, danh sách từ các đảng chính trị giới thiệu có ít nhất 30% nữ ứng cử viên hoặc phải có ít nhất 40% ở Costa Rica[3].

[2] Chỉ tiêu giới cũng được xem là biện pháp để thúc đẩy công bằng và dân chủ bởi tỷ lệ nữ giới thấp sẽ ảnh hưởng tới việc thực hành dân chủ và cũng là một sự phân biệt đối xử đối với nữ giới. Tùy thuộc vào hệ thống bầu cử một người thắng cử (majority/plurality electoral system) hay nhiều người thắng cử (proportional representation electoral system) mà chỉ tiêu giới được quy định khác nhau. Với hệ thống bầu cử một người thắng, các đảng chính trị chỉ chọn một ứng cử viên duy nhất của đảng mình ra tranh cử nên khó để giới thiệu cả nam giới và nữ giới ứng cử cùng lúc do đó chỉ tiêu giới chỉ được áp dụng trong giai đoạn tìm kiếm ứng cử viên để giới thiệu ứng cử. Với hệ thống bầu cử nhiều người thắng cử, chỉ tiêu giới được đặt ra từ giai đoạn tìm kiếm và giới thiệu ứng cử viên, đưa nữ giới và nam giới vào danh sách bầu cử và/hoặc chỉ rõ số ghế dành cho nữ giới hay tỷ lệ nữ là đại biểu dân cử các cấp. Chỉ tiêu giới thường được phân làm hai loại gồm chỉ tiêu "cứng" được quy định bởi hiến pháp và luật và chỉ tiêu "mềm" được quy định bởi các đảng chính trị nhằm đưa ra các mục tiêu, khuyến nghị hoặc hướng dẫn liên quan đến cân bằng giới trong quy trình bầu cử hoặc các cơ quan dân cử. Chỉ tiêu giới trong bầu cử đã được quy định trong hệ thống luật pháp của khoảng 50% các quốc gia trên thế giới. Các chỉ tiêu này cũng đã được quy định trong điều lệ của một số đảng chính trị trong số 40 - 50% các quốc gia còn lại.

[3] Liên Hợp Quốc, 2005, Nữ giới và Bầu cử - Hướng dẫn thúc đẩy sự tham gia của nữ giới trong hoạt động bầu cử

Mặc dù chỉ tiêu giới trong bầu cử đã được hiến định, luật hóa hoặc quy định bởi các đảng chính trị, *các đảng chính trị vẫn đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ trong bầu cử và trong các cơ quan dân cử.* Chỉ tiêu giới đã được đánh giá cao từ bước giới thiệu người ứng cử. Trên cơ sở đó, các đảng chính trị không hạn chế các nỗ lực để kêu gọi những người ứng cử là nữ giới có năng lực để tạo ra sự bình đẳng với những người ứng cử là nam giới. *Nếu nguyên tắc cân bằng giới không được tôn trọng ngay từ bước lựa chọn và giới thiệu ứng viên thì tỷ lệ nam giới và nữ giới trong các cơ quan dân cử cũng sẽ không cân bằng [Nghị viện Châu Âu, 2011].*

Ứng cử độc lập. Các ứng cử viên độc lập không được đưa vào danh sách bầu cử của bất kỳ đảng chính trị nào, và thông tin được cung cấp trên phiếu bầu không kết nối họ với bất kỳ đảng phái nào dưới bất kỳ hình thức nào. Việc ứng cử độc lập ngày càng gia tăng trong những nền dân chủ ở Châu Âu. Trong hai chu kỳ bầu cử gần đây, số lượng ứng viên độc lập tham gia các cuộc bầu cử quốc gia đã tăng lên – và tăng một cách kịch tính – ở hầu hết các quốc gia cho phép ứng cử viên không thuộc các đảng phái chính trị vận động bầu cử [Piret Ehin và cộng sự, 2013]. Ở một số quốc gia như Bungari, Đan Mạch, Estonia, Pháp, Đức, Ailen v.v.., các ứng cử viên độc lập có thể vận động bầu cử với một khoản tiền đặt cọc hoặc với một số lượng nhất định chữ ký của các cử tri theo giới hạn hoặc không giới hạn về tỷ lệ[4]. Tuy nhiên, những quy định trong luật bầu cử yêu cầu các ứng viên phải có một khoản tiền đặt cọc lớn hoặc thu thập được một số lượng chữ ký cử tri nhất định, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia nghèo và xung đột sẽ gây bất lợi cho việc ứng cử của các nữ ứng cử viên độc lập[5] bởi vì nữ giới gặp nhiều khó khăn và bận rộn với gánh nặng công việc nội trợ.

Các giới hạn: Quy mô của mỗi đơn vị bầu cử có tác động trực tiếp đến khả năng nữ giới được giới thiệu ứng cử và trúng cử. Sẽ dễ dàng hơn cho các đảng chính trị đảm bảo cân bằng giới nếu họ có giới thiệu nhiều hơn một ứng viên. Nếu phải đối mặt với việc lựa chọn giữa nam giới và nữ giới, các đảng chính trị sẽ thường lựa chọn nam giới, bởi vì họ được xem như là ứng cử viên được chấp nhận rộng rãi nhất [Stina Larserud và Rita Taphorn, 2005]. Vấn đề này sẽ ít nghiêm trọng hơn khi quy mô của mỗi đơn vị bầu cử rộng hơn và hai hay nhiều ứng cử viên có thể được lựa chọn và giới thiệu từ mỗi đảng chính trị. Do đó sẽ giúp các đảng giới thiệu nữ giới vào các vị trí dễ trúng cử.

Truyền thông và vận động bầu cử: Truyền thông, đặc biệt là truyền thông điện tử đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc khẳng định lợi ích và thái độ của cử tri đến các cuộc bầu cử. Trong tất cả các cuộc bầu cử, cách mà giới truyền thông xây dựng hình ảnh người phụ nữ, giải quyết những vấn đề liên quan đến nữ giới và cách họ có chuyển tải những thông điệp giáo dục cử tri một cách hiệu quả có tác động rất lớn đến sự tham gia bầu

[4] Nghị viện Châu Âu, 2013, Các ứng cử viên độc lập trong các kỳ bầu cử quốc gia và châu Âu.
[5] Liên Hợp Quốc, 2005, Nữ giới và Bầu cử - Hướng dẫn thúc đẩy sự tham gia của nữ giới trong hoạt động bầu cử

cử của nữ giới. Các quy định về truyền thông và thực hành của giới truyền thông có thể gián tiếp tạo ra những bất lợi cho nữ giới. Trong xã hội không kiểm soát chặt chẽ hay những quy định rất lỏng lẻo về truyền thông, nữ giới có thể phải đối mặt với sự phân biệt đối xử gián tiếp liên quan đến việc họ không có đủ khả năng để xuất hiện trên truyền thông. Chi phí quảng cáo có thể cao hơn khả năng chi trả của các nữ ứng cử viên. Nữ giới dường như có thể có được thời gian xuất hiện trên truyền thông bình đẳng với nam giới ở các quốc gia quy định thời gian phát sóng miễn phí đối với tất cả các ứng cử viên và đưa ra giới hạn cho những cuộc vận động chính trị phải trả tiền. Một số nước, như Đông Timo, thậm chí còn tăng thêm thời gian phát sóng như là một hình thức khuyến khích các đảng chính trị giới thiệu và ủng hộ những người ứng cử là nữ.

Liên quan đến chiến dịch tranh cử, Luật Bầu cử của Thụy Điển không có điều khoản cụ thể nào quy định về vấn đề này nhưng có quy định nghiêm cấm các hoạt động tuyên truyền hoặc có mục đích gây ảnh hưởng hoặc gây trở ngại cho các cử tri trong việc đưa ra lựa chọn của mình tại điểm tiếp nhận cử tri hoặc ở cạnh đó. Luật Bầu cử của Bỉ cho phép các ứng cử viên vận động bầu cử trong vòng 40 ngày trước ngày bầu cử.

Bầu cử: Ở Bỉ, bầu cử là nghĩa vụ bắt buộc. Luật Bầu cử quy định có 5 cách bầu cử khác nhau cho cử tri lựa chọn[6]. Cử tri có thể bỏ phiếu theo nhiều hơn một cách. Mọi công dân Bỉ trên 18 tuổi đều được nhận một thẻ cử tri với chỉ dẫn cụ thể địa điểm bầu cử. Họ có thể bỏ phiếu trực tiếp hoặc qua máy tính phụ thuộc vào địa điểm bỏ phiếu. Vào ngày bầu cử, luôn là ngày Chủ nhật, một tình nguyện viên tại địa điểm bầu cử sẽ kiểm tra cử tri. Sau khi kiểm tra thẻ an sinh (thẻ nhận dạng cá nhân) và thẻ cử tri của các cử tri qua máy điện tử, tình nguyện viên sẽ phát một thẻ từ để cử tri thực hiện bầu cử qua máy. Sau khi cử tri bỏ phiếu xong, tình nguyện viên sẽ xác nhận thẻ từ này đã được sử dụng để bỏ một phiếu bầu hợp lệ, sau đó gửi lại thẻ an sinh và thẻ cử tri đã được đóng dấu xác nhận cử tri đã đi bỏ phiếu. Đây là một quy định tốt để tránh hiện tượng "bỏ phiếu hộ" mà nữ giới và/hoặc nam giới đi bỏ phiếu hộ cho người khác.

Ở Thụy Điển, các cử tri có thể bỏ phiếu tại các điểm bầu cử là nơi bỏ phiếu được tổ chức bởi hội đồng thành phố hoặc các cơ quan đại diện nước ngoài. Trong một số trường hợp nhất định, cử tri cũng có thể bỏ phiếu bằng cách gửi thư hoặc tin nhắn. Quy định liên quan đến việc có nhiều hơn một cách bỏ phiếu bằng thư hoặc tin nhắn sẽ giúp cả nam và nữ cử tri không có mặt tại nơi cư trú trong ngày bầu cử có thể tự mình bỏ phiếu.

Lồng ghép giới trong các cơ quan bầu cử

[6] 1) bỏ phiếu cho toàn bộ danh sách thể hiện sự chấp thuận đối với những ứng cử viên giới thiệu bởi đảng chính trị của mình; 2) bỏ phiếu cho một hoặc nhiều hơn một các ứng cử viên giới thiệu bởi các đảng chính trị không có sự chú ý tới vị trí của các ứng cử viên trong danh sách; 3) bỏ phiếu cho một hoặc nhiều hơn các ứng cử viên thay thế; 4) bỏ phiếu cho một hoặc nhiều hơn các ứng cử viên hoặc một hoặc nhiều hơn người thay thế trong số những người thuộc các đảng chính trị thiểu số; và 5) bỏ phiếu trắng nếu không ủng hộ ai.

Vai trò của các cơ quan bầu cử: Cơ quan bầu cử phụ trách bầu cử các cấp được xây dựng dựa trên hệ thống hành chính và quy mô của từng quốc gia[7]. Để đảm bảo uy tín, những cơ quan này cần hoạt động một cách độc lập, công bằng và minh bạch. Ví dụ, Cơ quan bầu cử Trung ương của Thụy Điển là một cơ quan độc lập, được thành lập theo quy định của Luật Bầu cử, có chức năng tổ chức và giám sát quá trình bầu cử. Luật Bầu cử Nauy cấm những người ứng cử tham gia các ủy ban bầu cử.

Các luật bầu cử hoặc các quy định của luật liên quan đến các cơ quan phụ trách bầu cử trung tính về giới có thể gián tiếp tạo ra những bất lợi cho nữ giới. Các kinh nghiệm tốt cho thấy, các cơ quan bầu cử các cấp cần thu hút nữ giới tham gia một cách đầy đủ với tư cách thành viên hoặc lãnh đạo các tổ chức này. Nếu những cơ quan này có nhạy cảm giới thì những quy định của họ được ban hành sẽ thúc đẩy sự tham gia của nữ giới. Điều này không chỉ đảm bảo sự cân bằng về giới trong các cơ quan này mà còn giúp đảm bảo họ sẽ xem xét những vấn đề dưới góc nhìn của nữ giới.

Những cơ quan này cần ban hành một chính sách rõ ràng về việc tăng cường sự tham gia của nữ giới trong quá trình bầu cử. Những quyết định và chính sách được ban hành bởi các cơ quan bầu cử có thể đưa lại những tác động quan trọng đến sự tham gia của nữ giới trong các cuộc bầu cử. Thậm chí, những quyết định trung tính về giới như thời gian bỏ phiếu, địa điểm bầu cử và cách thiết kế phiếu bầu có thể tạo ra ảnh hưởng nhất định đến sự tham gia của nữ giới trong các cuộc bầu cử. Do đó, những cơ quan phụ trách bầu cử cần có trách nhiệm giới để đảm bảo những quyết định của họ được thực hiện nhằm tối đa hóa sự tham gia của tất cả các cử tri. Sau đây là một số nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan phụ trách bầu cử.

- *Lập danh sách cử tri:* Các cơ quan phụ trách bầu cử quy định các thủ tục đăng ký cử tri. Việc đăng ký cử tri có thể là "việc của nhà nước" nghĩa là các cử tri được tự động đăng ký bởi chính quyền địa phương dựa vào nơi đăng ký cư trú hoặc các hồ sơ ghi chép khác liên quan đến cử tri, hoặc "tự đăng ký" nghĩa là cử tri chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc đăng ký của mình. Cần dành sự chú ý đặc biệt đối với việc ghi danh những người di trú như lao động nhập cư, nữ giới kết hôn ở địa phương khác. Các tổ chức phụ trách bầu cử của Bỉ sử dụng hồ sơ dân số quốc gia và Thụy Điển sử dụng hồ sơ thuế quốc gia để đăng ký và tổng hợp danh sách cử tri.
- *Tiếp nhận người ứng cử và giới thiệu ứng cử:* Tạo điều kiện bình đẳng cho tất cả các ứng cử viên là một chức năng quan trọng của các cơ quan phụ trách bầu cử. Cả nam và nữ ứng cử viên cần được đối xử bình đẳng. Nếu

[7] Nhìn chung, những cơ quan này bao gồm ủy ban bầu cử quốc gia (được gọi là cơ quan hoặc hội đồng) ở cấp cao nhất, các cơ quan phụ trách bầu cử ở cấp khu vực và địa phương báo cáo hoạt động với ủy ban này và một tổ bầu cử ở mỗi điểm bầu cử. Thẩm quyền của các cơ quan bầu cử được quy định bởi luật bầu cử và các cơ quan này sẽ ban hành các quy định mang tính pháp lý về đăng ký cử tri, vận động bầu cử, bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử, giám sát bầu cử, thủ tục giải quyết khiếu nại và các vấn đề khác. Các cơ quan này cũng có quyền lực lớn để thi hành luật bầu cử, ban hành các quy định, giải quyết khiếu nại và giám sát quá trình vận động bầu cử cử, bầu cử và kiểm phiếu.

các cơ quan phụ trách bầu cử không vô tư trong việc áp dụng các quy định, những nữ ứng cử viên tiềm năng có thể đối mặt với những bất lợi. Trong quá trình bầu cử ở Cuba, các thành viên của Ủy ban Bầu cử Quốc gia, các tổ chức quần chúng và các cơ quan chính phủ cố gắng thúc đẩy bình đẳng giới từ bước giới thiệu ứng cử viên để tạo ra sự cân bằng giữa các nữ ứng cử viên với nam ứng cử viên, ứng cử viên da đen và ứng cử viên da trắng cũng như đảm bảo chất lượng của các ứng cử viên để trong trường hợp các ứng viên có năng lực ngang nhau thì ứng cử viên nữ và ứng cử viên da màu sẽ trúng cử. Các đại biểu nữ trong các cơ quan dân cử của Cuba tiếp tục vận động để Ủy ban Bầu cử Quốc gia bảo vệ sự cân bằng giới trong suốt quá trình bầu cử. Cho đến nay, nỗ lực quan trọng nhất để đảm bảo bình đẳng giới trong cơ quan dân cử của Cuba thuộc về Ủy ban Bầu cử Quốc gia. Ủy ban này đặt các ứng viên nữ ở vị trí ưu tiên. Tỷ lệ đại biểu nữ trong Quốc hội Cuba cao là kết quả trực tiếp từ những chính sách được Ủy ban ban hành. Quan trọng nhất, hệ thống chính trị của Cuba cho phép các quan chức Chính phủ được quyết định ở đâu và khi nào một cơ cấu đảm bảo yếu tố giới trong các cơ quan ra quyết định được điều chỉnh phù hợp[8].

- *Tổ chức bỏ phiếu:* Việc thành lập các điểm bỏ phiếu tại các địa điểm thuận lợi, thiết lập các giờ bầu cử không quá ngắn và nhiều điểm bầu cử cho các cử tri không phải chờ xếp hàng dài cần được xem xét bởi các cơ quan phụ trách bầu cử để tạo điều kiện thuận lợi cho nữ giới có thể bỏ phiếu. Ở những quốc gia có tỷ lệ mù chữ cao hoặc có nhiều người dân tộc thiểu số, các cơ quan phụ trách bầu cử cần thiết kế phiếu bầu bao gồm biểu tượng hoặc hình ảnh của các đảng chính trị hoặc các ứng cử viên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bỏ phiếu. Vai trò của các cơ quan phụ trách bầu cử, đặc biệt ở các điểm bầu cử, phải quan tâm đến việc đảm bảo tính bí mật của lá phiếu và tránh hiện tượng bỏ phiếu hộ nhau như là một yếu tố quan trọng đảm bảo rằng nữ giới có thể bỏ phiếu một cách bí mật và độc lập. Ví dụ, Luật Bầu cử của Thụy Điển quy định rằng các thành phố phải đảm bảo mỗi đơn vị bầu cử có một điểm bỏ phiếu. Trong các cuộc bầu cử có quy mô toàn quốc, mỗi thành phố cũng có trách nhiệm đảm bảo cho các điểm bỏ phiếu được sẵn sàng về thời gian mở cửa, tạo cơ hội tốt để cử tri bỏ phiếu. Trong khi đó, các điểm bỏ phiếu ở Bỉ thường được đặt tại các trường học.
- *Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:* Quá trình kiểm phiếu trong một số trường hợp có thể tạo ra những bất lợi cho nữ giới như nữ giới có trình độ giáo dục thấp không hiểu hết những quy định trong luật bầu cử hoặc do các cơ quan phụ trách bầu cử quy định, phiếu bầu được in bằng ngôn ngữ phổ thông trong khi họ chỉ đọc được ngôn ngữ dân tộc thiểu số của mình v.v… Theo nguyên tắc, các phiếu bầu nên được chấp nhận là hợp lệ nếu ý định bầu cử của cử tri được thể hiện rõ ràng. Việc áp dụng các quy định quá chặt chẽ để xác định tính hợp lệ của phiếu

[8] IljaA.Luciak, Bình đẳng giới trong việc ra các quyết định chính trị

bầu, như quy định yêu cầu phiếu bầu phải đánh dấu V thay vì dấu gạch chéo bên cạnh tên ứng cử viên được lựa chọn được xem là không hợp lệ có thể không phù hợp với những cử tri mù chữ hoặc có trình độ văn hóa thấp, bao gồm cả nữ giới.

Luật Bầu cử Thụy Điển quy định có 3 vòng kiểm phiếu bao gồm: 1) Kiểm phiếu sơ bộ tại điểm bầu cử[9]; 2) Ủy ban Bầu cử kiểm phiếu[10]; 3) Kiểm phiếu cuối cùng[11]. Theo Luật Bầu cử Na Uy, có hai vòng kiểm phiếu là kiểm phiếu sơ bộ và kiểm phiếu sau cùng. Ở Cuba, việc kiểm phiếu được thực hiện ở nơi công cộng, các nhà ngoại giao và quan sát viên nước ngoài có thể được chứng kiến quá trình này.

Một cuộc bầu cử thành công trên quan điểm giới không chỉ có tỷ lệ nữ giới được trúng cử mà còn tỷ lệ nữ giới đi bầu cử trong ngày bầu cử. Có nhiều quốc gia có số liệu chỉ ra được khoảng cách giới liên quan đến cử tri đi bầu cử. Theo đó, số cử tri là nữ giới nhiều hơn so với nam giới được báo cáo là có đi bầu trong các cuộc bầu cử ở Liên bang Nga, Phần Lan, Nauy, Vương quốc Anh. Trong khi đó, nhiều cử tri nam đi bầu cử hơn so với cử tri nữ ở các nước như Thụy Điển, Slovania, Romania, Italy hoặc số cử tri nam và nữ đi bầu là bằng nhau ở Canada.

- *Giải quyết vi phạm bầu cử:* Các cơ quan phụ trách bầu cử trao thẩm quyền để đảm bảo thủ tục khiếu nại và tố cáo rõ ràng và dễ dàng thực hiện. Luật Bầu cử Thụy Điển quy định một cách rõ ràng về vai trò của mỗi cơ quan phụ trách bầu cử ở tất cả các cấp trong việc tiếp nhận và giải quyết tố cáo liên quan đến quá trình và thủ tục bầu cử.

2.3 Phân tích giới trong Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016

Phân tích giới trong LBCĐBQH (1997, sửa đổi 2010) và LBCĐBHĐND (2003, sửa đổi 2010)

- *Chương I* về các điều khoản chung. *Nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử được khẳng định trong Điều 1 của cả LBCĐBQH và LBCĐBHĐND*. Theo đó, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND "được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Tuy nhiên, *nguyên tắc bình đẳng không được quy định trong Điều 4 của LBCĐBQH và Điều 5 của LBCĐBHĐND* như là một nguyên tắc trong giám

[9] Diễn ra ngay sau khi điểm bỏ phiếu kết thúc việc tiếp cử tri và tất cả các phong bì chứa phiếu được lấy ra và kiểm một cách công khai, không gián đoạn. Kết quả kiểm phiếu là kết quả sơ bộ.
[10] Vào Thứ tư ngay sau ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử sẽ tổ chức họp để kiểm tra các phiếu không được kiểm tại các điểm bỏ phiếu. Buổi họp này được tổ chức công khai. Kết quả kiểm phiếu của Uỷ ban bầu cử là sơ bộ.
[11] Ủy ban hành chính cấp hạt sẽ kiểm phiếu sau cùng. Quá trình kiểm phiếu được công khai và được thực hiện không chậm trễ. Ủy ban hành chính cấp hạt sẽ xem xét tính hợp lệ của các phiếu bầu và xem liệu có bất kỳ tên nào trên phiếu bầu được xem như là không tồn tại và đưa ra quyết định dựa trên kết quả của việc kiểm phiếu. Ủy ban sẽ đưa ra các quyết định cần thiết như kết quả của các thông tin chứa trong các hồ sơ.

sát bầu cử được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử trong bầu cử được khẳng định trong Điều 2 của cả hai luật. Theo đó, các công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, giới tính, địa vị xã hội, niềm tin, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thời gian cư trú, đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp.

Ngày tuyên bố bầu cử đến ngày bầu cử chỉ kéo dài trong 105 ngày. Thời gian này là không đủ cho các cơ quan phụ trách bầu cử và MTTQVN tổ chức các hội nghị hiệp thương và hội nghị tiếp xúc cử tri một cách hiệu quả để thu hút nhiều nhất cử tri có thể tham gia, đặc biệt cử tri nữ, và không đủ để thực hiện vận động bầu cử và xử lý các khiếu nại, tố cáo.

- *Chương II* quy định về số lượng đại biểu Quốc hội và HĐND, đơn vị bầu cử và khu vực bỏ phiếu. Quan điểm giới về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội và HĐND được đề cập nhưng thiếu cụ thể trong Luật Bầu cử như "Số lượng đại biểu Quốc hội là nữ giới do UBTVQH dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch BCH TW Hội LHPNVN, *bảo đảm để nữ giới có số đại biểu thích đáng* (Điều 10, LBCĐBQH sửa đổi); "Thường trực HĐND cấp tỉnh, huyện, xã dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu HĐND được bầu cho các cơ quan, tổ chức đơn vị và *"đảm bảo số lượng thích đáng đại biểu HĐND là nữ giới."* (Điều 14.1 và 14.2, LBCĐBHĐND sửa đổi).

  Nguyên tắc cân bằng giới về số lượng đại biểu nam và nữ được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử chưa được quy định trong Điều 11 LBCĐBQH và Điều 10 LBCĐBHĐND.

- *Chương III* về các tổ chức phụ trách bầu cử. Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp bao gồm 1) Hội đồng Bầu cử Trung ương có từ 15 đến 21 thành viên[12]; 2) Ủy ban bầu cử Quốc hội và HĐND cấp tỉnh[13] có từ 21 đến 31 thành viên; 3) Ban bầu cử ở mỗi đơn vị bầu cử[14] có từ 9 đến 15 thành viên; 4) Tổ bầu cử của các đơn vị bầu cử của cấp quận huyện[15] có từ 11 đến 15 thành viên và ở cấp xã có từ 9 đến 11 thành viên và Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu[16] có từ 11 đến 21 thành viên.

  Nguyên tắc cân bằng giới liên quan đến số lượng thành viên của các tổ chức bầu cử (phụ trách bầu cử tất cả các cấp) không được quy định trong các Điều 14.1, Điều 15.1 và Điều 16.1 của LBCĐBQH.

  Những nguyên tắc đảm bảo tính dân chủ, công bằng và bình đẳng của

[12] Được thành lập bởi Ủy ban thường vụ QH, chịu trách nhiệm bầu cử QH và HĐND tất cả các cấp (Điều 14, LBCĐBQH sửa đổi và điều 15 LBCĐBHĐND)
[13] Được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố (Điều 15, LBCĐBQH và LBCĐBHĐND sửa đổi
[14] Được thành lập theo quyết định của Chính phủ - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực tiếp (Điều 16, LBCĐBQH và LBCĐBHĐND sửa đổi)
[15] Được thành lập bởi Ủy ban nhân dân cùng cấp (Điều 17, LBCĐBQH và LBCĐBHĐND sửa đổi
[16] Được thành lập bởi Ủy ban nhân dân xã/phường (Điều 18, LBCĐBQH và LBCĐBHĐND sửa đổi)

các tổ chức phụ trách bầu cử trong giám sát bầu cử, xem xét và giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến công tác của những tổ chức này, giới thiệu ứng cử viên, bầu cử, bầu cử bổ sung cũng không được quy định trong các Điều 14.2, 15.2, 16.2 và 17.2 của LBCĐBQH sửa đổi cũng như các điều 15a.2, 16.3, 17.2 của LBCĐBHĐND. Theo đó, nguyên tắc bình đẳng giới cần được đảm bảo trong quá trình bầu cử dưới sự giám sát của các tổ chức này.

Quan điểm giới không được đề cập trong Điều 19 của LBCĐBQH và Điều 20 của LBCĐBHĐND. Theo đó, các cơ quan bầu cử sẽ làm việc theo nguyên tắc tập thể và các cuộc họp sẽ chỉ được tổ chức nếu có sự tham gia của ít nhất 2 phần 3 số thành viên nhưng số lượng thành viên nam, nữ hoặc đại diện nữ giới không được quy định để tổ chức các cuộc họp này mang tính đại diện giới.

- *Chương IV* quy định về danh sách cử tri. *Quy định về lập danh sách cử tri tại Điều 24 của cả hai văn bản Luật bầu cử không bao gồm số chứng minh thư nhân dân của các cử tri* để giúp thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử giám sát các cử tri khi họ bỏ phiếu tại các khu vực bỏ phiếu để tránh hiện tượng "bầu hộ".
- *Chương V* quy định về ứng cử và hiệp thương[17], giới thiệu ứng cử viên đại biểu Quốc hội và HĐND. *Nguyên tắc cân bằng giới chưa được đề cập đến trong quá trình dự kiến cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu được bầu và ứng cử viên được giới thiệu* trong các Điều 30, 31, 32, 33, 34 và 35 của LBCĐBQH cũng như các Điều 32, 33 và 34 của LBCĐBHĐND.

  Cân bằng giới không được đề cập đến trong việc lập danh sách sơ bộ những ứng cử viên để lấy ý kiến cử tri tại nơi cư trú và nơi làm việc trong các Điều 37, 38 của LBCĐBQH và điều 36 của LBCĐBHĐND.

  Cử tri chưa được tham gia giới thiệu người ứng cử một cách dân chủ. Như quy định tại Điều 35 và 36 của LBCĐBQH và điều 34 của LBCĐBHĐND, chỉ có ban lãnh đạo của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước phối hợp với công đoàn của các cơ quan, chỉ huy của các đơn vị Lực lượng Vũ trang Nhân dân có thẩm quyền giới thiệu các thành viên và người dân làm người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND và tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri ở nơi làm việc và nơi cư trú để lấy ý kiến cử tri.

  Trong khi đó Điều 39 của LBCĐBQH và Điều 37 của LBCĐBHĐND không quy định số lượng/tỷ lệ tối thiểu cử tri của mỗi địa điểm (bao gồm tỷ lệ cử tri nam và nữ) nơi làm việc và cư trú của mỗi người ứng cử tham gia hội nghị tiếp xúc cử tri.

[17] Năm bước trong ba hội nghị tư vấn bao gồm: 1) Tổ chức hội nghị đàm phán đầu tiên để đàm phán về cơ cấu, thành phần và số lượng người tự ứng cử và đề cử của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, nhà nước cơ quan cùng cấp và các đơn vị hành chính cấp dưới bầu cử đại biểu vào HĐND; 2) Cử nhân viên làm ứng viên bởi các cơ quan, tổ chức, đơn vị; 3) Tổ chức hội nghị tham vấn lần 2 để lập danh sách ứng viên sơ bộ; 4) Thu thập ý kiến phản hồi và các phương pháp tạo niềm tin cho cử tri ở địa phương người trúng cử sinh sống; 5) Tổ chức hội nghị tư vấn lần 3 để lập danh sách cử tri chính thức (bao gồm cả ứng viên tự ứng cử và được đề cử).

Công bằng giới giữa những người ứng cử (tương đồng nhau về trình độ học vấn, vị trí lãnh đạo, thành phần được cơ cấu giữa những người ứng cử trong mỗi danh sách) trong việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND bởi các cơ quan phụ trách bầu cử không được quy định trong Điều 46 LBCĐBQH và Điều 41 của LBCĐBHĐND.

Điều 41 của LBCĐBHĐND không quy định trình tự sắp xếp tên những người ứng cử trong danh sách ứng cử viên nên có thể ảnh hưởng đến thứ tự những người ứng cử là nữ giới (và nam giới) thuộc cơ cấu kết hợp trong danh sách[18].

Không có quy định về tính công bằng và không phân biệt đối xử trong tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND trong các Điều 50, 51 của LBCĐBQH cũng như các Điều 44, 45 của Luật BCĐBHĐND.

- *Chương VI* quy định về trình tự bầu cử. Điều 58 của LBCĐBQH và Điều 49 của LBCĐBHĐND quy định mỗi cử tri chỉ có quyền bỏ một phiếu bầu và phải xuất trình thẻ cử tri của mình khi bỏ phiếu nhưng *không quy định cần kiểm tra giấy tờ tùy thân để tránh tình trạng "bầu hộ" và không quy định trách nhiệm hoặc hình thức xử phạt đối với những điểm bỏ phiếu hoặc thành viên của tổ bầu cử cho phép cử tri bỏ nhiều hơn một phiếu hoặc bỏ phiếu hộ các thành viên trong gia đình.*
- *Chương VII* quy định về kết quả bầu cử. Không có quy định về việc kiểm phiếu một cách công khai và thông báo kết quả bầu cử tại mỗi điểm bỏ phiếu như là kết quả bầu cử sơ bộ. Điều 69 của LBCĐBQH và Điều 60 của LBCĐBHĐND không đề cập đến việc lập danh sách các đại biểu trúng cử có tách biệt giới tính.

  Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không quy định trong Điều 70 của LBCĐBQH và Điều 61 của LBCĐBHĐND, do vậy, người ứng cử là nữ giới có thể không trúng cử trong những trường hợp có nhiều hơn một người ứng cử nhận được số phiếu bầu ngang nhau.
- *Chương IX* quy định về giải quyết các vi phạm (Điều 87, 88 của LBCĐBQH và Điều 76, 77 của LBCĐBHĐND). *Không có quy định liên quan đến giải quyết các vi phạm nguyên tắc công bằng, bình đẳng và không phân biệt đối xử trong bầu cử.*

[18] Xem phần tiếp theo của báo cáo về thực hiện Luật Bầu cử

2.3.2 Phân tích giới trong các văn bản hướng dẫn bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 - 2016

Để tổ chức và giám sát bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016, Bộ Chính trị, Ban tổ chức TW, Ban Tuyên giáo TW, HĐBCTW, Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ TT-TT và UBMTTQVN ban hành một số văn bản hướng dẫn bầu cử. Sau đây là một số phân tích giới trong một số văn bản hướng dẫn:

- *Nghị quyết số 1018/NQ-UBTVQH12* ngày 21 tháng 1 năm 2011 của UBTVQH về việc công bố ngày bầu cử và thành lập HĐBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016, HĐBCTW (2011) có 3 thành viên nữ trong số 21 thành viên gồm Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Nhà nước và Chủ tịch TW Hội LHPNVN. Số lượng nữ giới trong HĐBCTW được cơ cấu dựa trên vị trí lãnh đạo đương nhiệm của họ mà không quy định đáp ứng chỉ tiêu giới.
- *Chỉ thị số 50-CT/TW* ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Bộ Chính trị về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 không đề cập đến tỷ lệ nam và nữ được giới thiệu ứng cử hoặc số lượng cụ thể đại biểu nữ được bầu mà chỉ quy định chung chung "có tỷ lệ hợp lý đại biểu của các dân tộc thiểu số, các tôn giáo, đại biểu nữ, đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân tiêu biểu thuộc các thành phần kinh tế" (Mục 3).
- *Hướng dẫn 01-HD/BTCTW* ngày 14 tháng 2 năm 2011 của Ban Tổ chức TW về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016[19] không đảm bảo trách nhiệm giới trong công tác nhân sự cho bầu cử đại biểu Quốc hội. Điểm 2.2 của Hướng dẫn quy định rằng những người đã hoặc đang giữ các chức vụ từ vụ trưởng hoặc tương đương trở lên của các cơ quan Đảng, Nhà nước đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (nếu là đại biểu Quân đội hoặc Công an thì phải có quân hàm thiếu tướng trở lên) và những cán bộ công tác ở địa phương đã, đang hoặc có đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm chức vụ ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND, phó trưởng đoàn chuyên trách đại biểu Quốc hội (khóa XII) của tỉnh/thành phố trực thuộc TW trở lên được ứng cử vào chức danh đại biểu QH chuyên trách. *Trong khi đó, trên thực tế, hầu hết nhân sự nắm giữ những chức vụ này là nam giới.*
- Các *Hướng dẫn 01-HD/BTGTW* ngày 25 tháng 2 năm 2011 của Ban Tuyên giáo TW hướng dẫn tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016, *Kế hoạch số 661/*

[19] Hướng dẫn này khẳng định Chỉ thị 50-CT/TW yêu cầu cấp ủy các cấp và các cơ quan của Đảng lãnh đạo tốt công tác nhân sự, đảm bảo phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ; gắn kết quả nhân sự của Đại hội Đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị nhân sự để giới thiệu những người tiêu biểu, đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND

KH-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2011 của Bộ TT-TT về công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016, *Hướng dẫn 20/HD-MTTW-BTT* ngày 25 tháng 2 năm 2014 của Ban thường trực TWMTTQVN về tuyên truyền trách nhiệm của MTTQ trong việc tham gia vào hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 không hướng dẫn tuyên truyền về Nghị quyết 11/2007/NQ-TW, CLQGBĐG và KHHĐQGBĐG để thúc đẩy bình đẳng giới trong bầu cử.

- *Kế hoạch 01/KH-HĐBC* ngày 24 tháng 1 năm 2011 của HĐBCTW về triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 *không cụ thể hóa vai trò của các bên liên quan trong việc đảm bảo sự tham gia của nữ giới trong quá trình bầu cử và đảm bảo tỷ lệ phù hợp người ứng cử là nữ giới được bầu làm đại biểu Quốc hội và HĐND để đáp ứng chỉ tiêu về giới được quy định bởi Bộ Chính trị và Chính phủ.*
- Trong *Kế hoạch số 02/KH-HĐBC* ngày 24 tháng 1 năm 2011 của HĐBCTW về phân công công việc cho các thành viên Hội đồng bầu cử, trách nhiệm giới không được quy định trong phân công công việc cho mỗi thành viên HĐBCTW, ngoại trừ Chủ tịch TW Hội LHPNVN, được giao nhiệm vụ chỉ đạo các Tỉnh hội, Thành hội trong việc vận động nữ giới tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử.
- *Quyết định 215/QĐ-TTg* ngày 16/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 yêu cầu đảm bảo phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất trong công tác cán bộ. Quyết định này cũng quy định rằng phấn đấu đạt tỷ lệ đại biểu HĐND là nữ giới khoảng 30% trở lên.
- *Chỉ thị 192/CT-TTg* ngày 30 tháng 1 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 quy định vai trò của nhiều bộ, cơ quan, HĐND và UBND trong bầu cử theo thẩm quyền của họ nhưng lại không đề cập đến Bộ LĐ-TB-XH là cơ quan quản lý Nhà nước về bình đẳng giới.
- *Thông tư 05/2011/TT-BNV* ngày 12 tháng 2 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức, hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 không quy định nguyên tắc cân bằng giới trong các cơ quan phụ trách bầu cử trong suốt cả Thông tư.
- *Nghị quyết Liên tịch số 01/2011/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN* ngày 8 tháng 2 năm 2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn chủ tịch của UBTWMTTQVN về việc quy trình hiệp thương lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử đại biểu Quốc hội và những người

ứng cử HĐND, đề cập đến 5 bước hiệp thương và giới thiệu những người ứng cử theo tinh thần của LBCĐBQH và LBCĐBHĐND *không có quy định về đảm bảo cân bằng giới* đối với các thỏa thuận về số lượng đại biểu được bầu vào Quốc hội ở mỗi cơ quan, tổ chức và đơn vị (theo dự kiến của UBTVQH) và số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội được giới thiệu bởi các cơ quan, tổ chức, đơn vị này; các thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người tự ứng cử và người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp hoặc đơn vị hành chính cấp dưới; và lập danh sách chính thức những người ứng cử cho cuộc bầu cử.

- *Nghị quyết Liên tịch số 02/2011/NQLT/UBTVQH-CP-DCTUBTWMTTQVN* của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQVN quy định một cách rõ ràng các bước tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri, lấy ý kiến và tín nhiệm của cử tri đối với những người ứng cử. Nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử giữa các cử tri (nam và nữ) ở nơi làm việc và nơi cư trú, quyền tham gia và đóng góp ý kiến đối với những người ứng cử vẫn chưa được thể hiện rõ ràng trong các điều 2.2[20] và 3.2[21].
- *Công văn số 1163/MTTW-BTT* ngày 18 tháng 2 năm 2011 của Ban Thường trực UBTWMTTQVN về việc phân bổ giới thiệu người ứng cử tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đưa ra hướng dẫn chuẩn bị số lượng ứng viên sau hội nghị hiệp thương lần thứ nhất phải nhiều hơn 2 lần số lượng đại biểu trúng cử Quốc hội và đại biểu trúng cử HĐND để đảm bảo số lượng người ứng cử (cả những người tự ứng cử và người được giới thiệu ứng cử) trong danh sách của mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu trúng cử 2 người. Nhưng văn bản này không đề cập đến chỉ tiêu giới trong lựa chọn và giới thiệu người ứng cử ở mỗi bước hiệp thương và lập danh sách những người ứng cử.
- *Công văn số 1269/MTTW-BTT* ngày 4 tháng 4 năm 2011 của Ban Thường trực UBTWMTTQVN về việc chuẩn bị hội nghị hiệp thương lần thứ ba bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND hướng dẫn tổ chức hội nghị hiệp thương, thỏa thuận lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử trên cơ sở đồng thuận cao của hội nghị nhưng không quy định nguyên tắc cân bằng giới trong lập danh sách những người ứng cử.
- *Thông tri số 14/Ttr-MTTW-BTT* ngày 25 tháng 2 năm 2011 của Ban Thường trực UBTWWMTTQVN về việc MTTQVN giám sát bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 không quy định giám sát chỉ tiêu giới đối với việc dự kiến người ứng cử của ban lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức được phân bổ người ứng cử và số lượng người được giới thiệu ứng cử so với số lượng đại biểu được bầu;

[20] Để tổ chức các hội nghị có mặt toàn bộ cử tri nếu có ít hơn 100 người tại nơi làm việc của ứng cử viên nhưng phải đảm bảo sự tham gia của ít nhất 2 phần 3 cử tri. Không bắt buộc làm vậy nếu có hơn 100 cử tri nhưng phải đảm bào 70% cử tri tham gia hội nghị

[21] Để tổ chức các hội nghị có mặt toàn bộ cử tri nếu có dưới 50 người ở nơi cư trú của ứng viên nhưng phải đảm bảo sự tham gia của ít nhất 50% cử tri. Không bắt buộc làm vậy nếu có hơn 50 cử tri nhưng phải đảm bảo ít nhất 40 người tham gia hội nghị.

danh sách ứng viên và việc giải quyết khiếu nại tố cáo; tuyên truyền và vận động bầu cử; thủ tục bỏ phiếu và lựa chọn người trúng cử.

2.4 Phân tích giới trong thực hiện LBCĐBQH và LBCĐBHĐND trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016

Thành lập và hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử

HĐBCTW và các Ủy ban Bầu cử cấp tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và thúc đẩy hoạt động bầu cử theo quy định của pháp luật, hướng dẫn công tác truyền thông và phổ biến thông tin; bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn trong suốt thời gian bầu cử; tiếp nhận hồ sơ, danh sách người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử; xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tổng kết và công bố danh sách người trúng cử.

Bởi vì có rất ít nữ giới làm lãnh đạo cấp cao trong các cơ quan, tổ chức nên cũng có rất ít nữ giới trong các tổ chức phụ trách bầu cử. Ví dụ: Chỉ có 3 trong số 21 thành viên HĐBCTW là nữ giới, chiếm 14,28%[22]; 3 trong số 25 thành viên là nữ giới trong UBBC tỉnh Hòa Bình, chiếm 12%[23]; 4 trong số 21 thành viên là nữ giới trong UBBC tỉnh Tuyên Quang, chiếm 19,04%[24]; chỉ 1 trong số 29 thành viên là nữ giới trong UBBC tỉnh Nam Định, chiếm 3.4%[25]. Nữ giới là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử bởi vì họ nắm giữ các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức có liên quan. Luật bầu cử hiện hành và các văn bản hướng dẫn bầu cử không có quy định chỉ tiêu giới trong các tổ chức phụ trách bầu cử.

Trong Kế hoạch số 02/KH-HĐBC, chỉ có thành viên HĐBCTW là Chủ tịch TW Hội LHPNVN có trách nhiệm lãnh đạo Hội LHPN cấp tỉnh khuyến khích nữ giới tham gia các hoạt động bầu cử. Tuy nhiên, hầu hết các thành viên của các cơ quan phụ trách bầu cử được phỏng vấn đều xác nhận rằng được trao đổi, thảo luận về cơ cấu thành phần số lượng đại biểu và giám sát việc thực hiện cơ cấu, thành phần, số lượng người được bầu làm đại biểu Quốc hội, ĐBHĐND và những người ứng cử trong suốt quá trình bầu cử nhưng tiếng nói có ảnh hưởng nhất để ra quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch và Phó chủ tịch của những tổ chức này.

"Tại các hội nghị hiệp thương, tất cả mọi người có thể nêu ra ý kiến về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu được bầu, bao gồm các đại biểu nữ nhưng tiếng nói có ảnh hưởng nhất là của lãnh đạo các cơ quan phụ trách bầu cử"

[22] Nguồn: Nghị quyết 1018/NQ-UBTVQH12 và Kế hoạch 02/KH-HĐBC
[23] Thông báo 02/UB-UBBC ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Ủy ban bầu cử tỉnh Hoà Bình về giao trách nhiệm các thành viên của Ủy ban bầu cử tỉnh Hòa Bình.
[24] Quyết định 28/QĐ-UBND ngày 14 tháng 2 năm 2011 của Uỷ ban bầu cử tỉnh Tuyên Quan về việc thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh Tuyên Quang.
[25] Quyết định ngày 01/QĐ-UBND tháng 2 năm 2014 của Ủy ban bầu cử tỉnh Nam Định về việc thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh Nam Định.

hoặc "Việc thương thuyết cơ cấu phụ thuộc vào kinh nghiệm của MTTQ nhưng kết quả cuối cùng phụ thuộc vào Chủ tịch Ủy ban bầu cử" – ý kiến của 2 thành viên UBBC được phỏng vấn.

Điều được phát hiện là có nhiều thành viên các tổ chức bầu cử tham gia ứng cử ĐBBQH và ĐBHĐND. Ví dụ: Có 12/21 thành viên của HĐBCTW ứng cử đại biểu QH khóa XIII, chiếm 57.4%[26]; có 13/25 thành viên UBBC tỉnh Hòa Bình ứng cử ĐBHĐND tỉnh chiếm 52%[27]; có 15 người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Nam Định trong số 29 thành viên UBBC cấp tỉnh, chiếm 51.17%[28]; và có 6 người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Tuyên Quang trong số 21 thành viên UBBC cấp tỉnh, chiếm 28.57%[29].

Tính khách quan trong chỉ đạo bầu cử được đặt ra khi nhiều thành viên của HĐBCTW và UBBC tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp.

Ứng cử

Người tự ứng cử: Theo quy định của Luật bầu cử, công dân nam và nữ có quyền tự ứng cử, trừ Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam[30]. Trên thực tế, mặc dù cử tri được khuyến khích tự ứng cử nhưng số lượng người tự ứng cử không nhiều, đặc biệt là ứng cử đại biểu HĐND. Số lượng nữ giới tự ứng cử cũng ít hơn nam giới. Tỷ lệ người tự ứng cử được vào danh sách bầu cử chính thức không nhiều, dẫn đến tỷ lệ trúng cử không cao. Kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, có 98 người tự ứng cử[31] nhưng chỉ có 15 người (15%) được đưa vào danh sách chính thức, 3 trong số đó là nữ giới (20%). Kết quả, có 4 người trúng cử (26%), trong đó có 1 nữ giới (25%). Cả 4 đại biểu tự ứng cử đều là doanh nhân. Trong kỳ bầu cử đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình 2011, không có người tự ứng cử ở tất cả 3 cấp.

Người được giới thiệu ứng cử: Theo quy định của LBCĐBQH, LBCĐBHĐND và Nghị quyết Liên tịch số 01/2011/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, hầu hết những người ứng cử đại biểu Quốc hội và ĐBHĐND đều do ban lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu sau khi được góp ý của cử tri nơi người ứng cử làm việc.

Phân tích báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND một số địa phương cho thấy, tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND các cấp chỉ khoảng 30% so với tỷ lệ nam giới được giới thiệu xấp xỉ 70% và tỷ lệ nữ giới trúng cử dưới 30%. Ví dụ:

[26] Nguồn: Nghị quyết 1018/NQ-UBTVQH12 và danh sách đại biểu trúng cử Đại biểu QH lần thứ 13
[27] Nguồn: Ủy ban bầu cử tỉnh Hòa Bình trong bầu cử đại biểu QH và HĐND
[28] Nguồn: Ủy ban bầu cử tỉnh Nam Định trong bầu cử đại biểu QH và HĐND
[29] Nguồn: Ủy ban bầu cử tỉnh Tuyên Quang trong bầu cử đại biểu QH và HĐND
[30] Các Đảng viên không được tự ứng cử nếu không được sự cho phép của Đảng ủy
[31] Không có dữ liệu phân định giới tính ứng viên tự ứng cử lúc bắt đầu quá trình bầu cử

- Tỷ lệ nữ giới ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII là 31.3% và tỷ lệ trúng cử là 24.4% trong tổng số đại biểu trúng cử[32].
- Tỷ lệ nữ giới ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế là 30.9% và tỷ lệ trúng cử chỉ chiếm 13.4%[33]
- Tỷ lệ nữ giới ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình là 27% và tỷ lệ trúng cử chỉ chiếm 18.3%[34]
- Tỷ lệ nữ giới ứng cử đại biểu HĐND của một xã được nghiên cứu tại tỉnh Hòa Bình là 17.9% và tỷ lệ trúng cử chỉ là 8%[35].

Một số địa phương có tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND tương đương với nam ứng cử như tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Yên Bái, phường Tân Thịnh (thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình) dẫn đến tỷ lệ nữ giới trúng cử cao và vượt chỉ tiêu đề ra. Cụ thể:

- Tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Tuyên Quang là 50% và tỷ lệ trúng cử là 46.6%[36]
- Tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Yên Bái là 40% và tỷ lệ trúng cử là 37.3%[37]
- Tỷ lệ nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND phường Tân Thịnh là 50% và tỷ lệ trúng cử là 45.8%[38]

Để nâng cao tỷ lệ nữ giới trúng cử đại biểu Quốc hội và HĐND thay vì giới thiệu họ nhằm đáp ứng cơ cấu kết hợp được dự kiến bởi UBTVQH và thường trực HĐND các cấp, cần đảm bảo tỷ lệ nữ giới đáp ứng các tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và HĐND được giới thiệu ứng cử và tự ứng cử cao hơn.

Quy trình hiệp thương

Quy định về cơ cấu đại biểu Quốc hội và ĐBHĐND tạo nên những bất lợi cho những người ứng cử là nữ giới. Cơ cấu đại biểu được chia thành 3 loại: 1) Cơ cấu cứng, bao gồm những đại biểu giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và các cơ quan của Đảng, và các ban ngành trực thuộc, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang các cấp (trung ương, tỉnh/thành phố, quận/huyện, xã/phường); 2) Cơ cấu mềm, bao gồm các đại biểu đại diện một số bộ, ngành (ở cấp trung ương), các sở, ban, ngành (ở cấp tỉnh), các phòng, ban (ở cấp quận/huyện), và các cán bộ, công

[32] Nghị quyết 351/NQ-HĐBC ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Bầu cử trung ương trong danh sách ứng viên bầu cử đại biểu QH lần thứ 13 trên mỗi khu bầu cử trên toàn quốc được công bố http://dbqh.na.gov.vn/XIII/Daibieu.aspx
[33] Ủy ban bầu cử tỉnh Thừa Thiên Huế cho kỳ bầu cử đại biểu QH lần thứ 13 và bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 www.thuathienhue.org.gov
[34] Danh sách ứng viên và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 của Ủy ban bầu cử tỉnh Hòa Bình
[35] Nguồn: Tuyên bố 02/UBBC ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban bầu cử xã Dung Phong (huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình) về số lượng và danh sách ứng viên bầu cử đại biểu HĐND xã Dung Phong nhiệm kỳ 2011 – 2016 tại các khu bầu cử và Biên bản tổng hợp bầu cử đại biểu HĐND xã Dung Phong nhiệm kỳ 2011 - 2016
[36] Danh sách ứng viên và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 của Ủy ban bầu cử tỉnh Tuyên Quang
[37] Danh sách ứng viên và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 của Ủy ban bầu cử tỉnh Yên Bái
[38] Được cung cấp bởi Bí thư Đảng ủy phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

chức (ở cấp xã/phường); và 3) Cơ cấu kết hợp, bao gồm những người ứng cử là nữ giới, người dân tộc thiểu số, người ngoài Đảng, thanh niên, người theo tôn giáo ở tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp, những người này không nhất thiết phải giữ vị trí lãnh đạo.

Quy định về cơ cấu đại biểu như vậy đã hạn chế số lượng nữ giới được giới thiệu ứng cử thuộc diện cơ cấu cứng và cơ cấu mềm bởi vì có rất ít nữ giới ở vị trí lãnh đạo chủ chốt. Phần lớn nam giới giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt nên người ứng cử đại biểu thuộc hai cơ cấu này đa số là nam giới. Trong khi đó, các đại biểu thuộc cơ cấu kết hợp thường không nắm giữ các vị trí lãnh đạo. Nhiều nữ giới được giới thiệu ứng cử thuộc cơ cấu kết hợp phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn khác như ngoài Đảng, trẻ tuổi, là người dân tộc thiểu số, dẫn đến sự khác biệt về năng lực, trình độ, vị trí lãnh đạo giữa những người ứng cử là nữ giới và nam giới.

Ví dụ, trong tổng số các lãnh đạo cấp TW được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, tỷ lệ người ứng cử là nam giới chiếm 87.2% và tỷ lệ người ứng cử là nữ giới chỉ chiếm 12.8%[39]. Trong số lãnh đạo cấp tỉnh được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND tỉnh tiến hành khảo sát nhiệm kỳ 2011 – 2016, người ứng cử là nam giới chiếm 91.7%, người ứng cử là nữ giới chỉ chiếm 8.3%, nghĩa là có 33 người ứng cử là nam giới và 3 người ứng cử là nữ giới[40].

Trên các văn bản, không có sự phân biệt đối xử giữa nam giới và nữ giới khi giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp, thậm chí các nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử được nhấn mạnh ngay ở những điều đầu tiên của LBCĐBQH và LBCĐBHĐND. Tuy nhiên trên thực tế, nữ giới vẫn bị phân biệt đối xử một các gián tiếp do những quy định về cơ cấu đại biểu.

Sắp xếp danh sách người ứng cử

Sắp xếp danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội. Có 827 người được giới thiệu ứng cử và tự ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và được phân vào 183 đơn vị bầu cử. Trong đó có 28 đơn vị bầu cử sắp xếp danh sách người ứng cử với 100% là nam giới và 41 đơn vị bầu cử có số dư trong danh sách ứng cử chỉ là một người so với số đại biểu được bầu. Điều này không phù hợp với điều 46 LBCĐBQH sửa đổi ngay cả khi đây là quyết định của HĐBCTW[41]. Sự sắp xếp này có thể hạn chế những cơ hội cho nữ giới được ứng cử và được bầu.

Nhiều ứng cử viên là nữ giới không trúng cử do bị sắp xếp không tương đồng về trình độ, vị trí công tác với ứng cử viên là nam giới trong danh sách ứng cử. Hiện tượng này đã giảm so với các kỳ bầu cử trước, tuy nhiên vẫn

[39] Nguồn: Nghị quyết 351/NQ-HĐBC ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Bầu cử trung ương trong danh sách ứng viên bầu cử đại biểu QH lần thứ 13 trên mỗi khu bầu cử trên toàn quốc được công bố
[40] Tuyên bố của Ủy ban bầu cử tỉnh Hòa Bình ngày 22 tháng 4 năm 2011 về danh sách ứng viên tham gia bầu cử đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình
[41] Nguồn: Nghị quyết 351/NQ-HĐBC ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Bầu cử trung ương trong danh sách ứng viên bầu cử đại biểu QH lần thứ 13 trên mỗi khu bầu cử trên toàn quốc được công bố

xảy ra ở nhiều địa phương trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và ĐBHĐND nhiệm kỳ 2011-2016

Bảng 1: Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội tại Đơn vị bầu cử số 8, Hà Nội (5 người ứng cử được sắp xếp theo thứ tự A, B, C… để bầu 3 đại biểu)[42]

Vị trí công tác của người ứng cử	Giới tính	Trúng cử
Ủy viên Ủy ban thường vụ thành ủy, PCT Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban MTTQ thành phố	Nam	X
Phó trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Thành phố	Nam	X
Chi ủy, Phó giám đốc, Chủ tịch Công đàn Trung tâm giáo dục lao động	Nữ	0
Phó giám đốc Bệnh viện tim Trung ương	Nữ	0
Ủy viên Ban chấp hành TW Đảng, Phó trưởng Ban Tuyên giáo TW	Nam	X

Việc sắp xếp danh sách những người ứng cử đại biểu HĐND các cấp không được quy định theo thứ tự A, B, C. Tình trạng sắp xếp danh sách những người ứng cử đại biểu HĐND một cách thiếu bình đẳng có thể trầm trọng hơn bởi vì các điều khoản liên quan đến lập danh sách những người ứng cử được quy định trong LBCĐBHĐND không rõ ràng. Do đó, việc sắp xếp danh sách những người ứng cử do các cơ quan phụ trách bầu cử địa phương thực hiện là không giống nhau. Ví dụ, UBBC tỉnh và Ban bầu cử xã thuộc địa bàn nghiên cứu không sắp xếp danh sách những người ứng cử theo thứ tự bảng chữ cái mà sắp xếp theo vị trí, chức danh lãnh đạo chủ chốt từ cao xuống thấp. Phần lớn những lãnh đạo chủ chốt nằm ở phần đầu danh sách. Các bảng sau đây minh họa thứ tự thiếu bình đẳng giữa những người ứng cử thuộc cơ cấu cứng là lãnh đạo chủ chốt với những người ứng cử thuộc cơ cấu kết hợp của tỉnh và xã thuộc địa bàn nghiên cứu.

Bảng 2: Danh sách những người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh thuộc Đơn vị bầu cử số 10 (có 6 người ứng cử để bầu 4 đại biểu HĐND cấp tỉnh)[43]

Vị trí công tác của người ứng cử	Giới tính	Trúng cử
Bí thư Đảng ủy Thành phố	Nam	X
Chủ tịch HĐND tỉnh	Nam	X
Bí thư Đoàn thanh niên CS HCM	Nam	X
Giám đốc Sở NN-PTNT	Nam	X
Phó trưởng phòng giáo dục huyện	Nữ	0
Giáo viên trường PTCS của xã	Nữ	0

[42] Nguồn: Nghị quyết 351/NQ-HĐBC ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Bầu cử trung ương trong danh sách ứng viên bầu cử đại biểu QH lần thứ 13 trên mỗi khu bầu cử trên toàn quốc được công bố http://dbqh.na.gov.vn/XIII/Daibieu.aspx

[43] Nguồn: Báo cáo thực hiện bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 của Ủy ban bầu cử huyện Cao Phong

Bảng 3: Danh sách những người ứng cử thuộc Đơn vị bầu cử số 1 xã tiến hành nghiên cứu với 7 người ứng cử để bầu 5 đại biểu HĐND cấp xã[44]

Vị trí công tác của người ứng cử	Giới tính	Trúng cử
Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã	Nam	X
Chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã	Nam	X
Chủ tịch Hội nông dân xã	Nam	X
Phó Bí thư chi bộ thôn	Nam	X
Chi hội trưởng Chi hội nông dân thôn	Nam	0
Chi hội trưởng Chi hội nữ giới thôn	Nữ	0
Bí thư Chi đoàn thôn	Nam	X

Hầu hết các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được phỏng vấn đều xác nhận cách sắp xếp danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND là không bình đẳng với những người ứng cử theo cơ cấu kết hợp. Nó cũng cho thấy thiếu công bằng giới giữa những người ứng cử ở mỗi đơn vị bầu cử.

"Điều này khiến cho nữ giới phải cố gắng xây dựng chương trình hành động và tiếp cận các cử tri để chứng minh rằng việc họ thất bại trong cuộc bầu cử không phải do khả năng hạn chế mà là do nam giới nắm giữ những vị trí lãnh đạo chủ chốt và có uy tín cao hơn. Không chỉ là bất bình đẳng giữa người ứng cử là nam và nữ mà còn bất bình đẳng giữa những người ứng cử là nữ giới bởi vì với cách sắp xếp này, sẽ có những nữ giới có trình độ cao không trúng cử (bởi vì họ nằm trong danh có nhiều người ứng cử là nam giới giữ vị trí lãnh đạo cấp cao) trong khi một số người ứng cử là nữ giới được trúng cử dù trình độ thấp hơn" – theo lời một người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII là nữ giới không trúng cử trả lời phỏng vấn nhóm nghiên cứu.

Khả năng vận động bầu cử của nữ giới

Những nữ giới tái ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND đã nhận ra tầm quan trọng của việc tham gia vào các cơ quan dân cử vì vậy họ khá tự tin và chủ động trong quá trình chuẩn bị kế hoạch hành động và trình bày với cử tri. Nhưng những người lần đầu tiên được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND gặp những trở ngại như thiếu tự tin và lo lắng bởi vì họ không có ý định tham gia bầu cử cho đến khi được giới thiệu. Ngay cả một nữ giới được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh, là Phó giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Ngân hàng Vietinbank, vẫn luôn suy nghĩ, băn khoăn và lo lắng về việc không hoàn thành nhiệm vụ của một đại biểu dân cử. Chị đã từ chối lời giới thiệu của MTTQ và giới thiệu của cơ quan ở giai

[44] Nguồn: Tuyên bố 02/UBBC ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban bầu cử xã Dũng Phong (huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình) về số lượng và danh sách các ứng viên được bầu cử đại biểu HĐND xã Dũng Phong nhiệm kỳ 2011 – 2016 ở các khu bầu cử và Biên bản tổng hợp bầu cử đại biểu HĐND xã Dũng Phong nhiệm kỳ 2011 - 2016

đoạn đầu của cuộc bầu cử. Cuối cùng, chị đã đồng ý sau khi được MTTQ, lãnh đạo Ngân hàng Vietinbank và người chồng động viên, khích lệ.

Theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo TW và Bộ TT-TT, những người ứng cử là nam giới và nữ giới bình đẳng trong việc sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng (các kênh truyền hình và báo chí) để vận động bầu cử. Họ cũng giới thiệu các chương trình hành động của mình đến các cử tri ở nơi làm việc (do Công đoàn tổ chức) và khu dân cư (do MTTQ tổ chức). Nhưng, theo kết quả phỏng vấn, nhiều nữ giới được giới thiệu ứng cử theo cơ cấu kết hợp không hiểu vai trò và trách nhiệm của một đại biểu dân cử, chức năng và nhiệm của Quốc hội và HĐND, cách xây dựng kế hoạch hành động và giới thiệu với cử tri, cách làm việc với các cơ quan truyền thông, quyền tham gia chính trị và tầm quan trọng của đại biểu nữ trong các cơ quan dân cử.

201 nữ giới ứng cử đại biểu Quốc hội lần đầu được tập huấn về kỹ năng trình bày trước công chúng, xây dựng kế hoạch hành động, tiếp xúc và trả lời câu hỏi của cử tri, làm việc với các cơ quan truyền thông v.v… do Hội LHPNVN, UBQGVSTBPN, Vụ Bình đẳng giới của Bộ LĐ-TB-XH và Trung tâm Đào tạo Đại biểu dân cử của Quốc hội tổ chức. Hội LHPN các địa phương cũng tổ chức đào tạo về kỹ năng xây dựng kế hoạch hành động và thuyết trình trước công chúng cho những người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND theo cơ cấu kết hợp gồm các nữ doanh nhân, nông dân, giáo viên, nội trợ, công nhân, thanh niên, người ngoài Đảng, người theo tôn giáo và người dân tộc thiểu số.

Vận động bầu cử

Vận động bầu cử diễn ra sau khi danh sách người ứng cử được công bố. Hầu hết những người ứng cử có thể thực hiện vận động bầu cử thông qua tiếp xúc cử tri để giới thiệu chương trình hành động, trả lời các câu hỏi của cử tri và thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Những người ứng cử và thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được phỏng vấn chia sẻ rằng, nhìn chung, các nguyên tắc công bằng và không phân biệt đối xử đã được đảm bảo trong suốt quá trình vận động bầu cử. Chỉ có một số trường hợp người ứng cử là doanh nhân thực hiện vận động thông qua hợp đồng quảng cáo với đài truyền hình hoặc qua các hoạt động từ thiện như trao quà cho những người yếu thế. HĐBCTW can thiệp để ngăn chặn các hoạt động nói trên nhằm đảm bảo bình đẳng giữa những người ứng cử trong vận động bầu cử.

Không có các biện pháp đặc biệt hỗ trợ các nhóm yếu thế như ứng cử viên trẻ tuổi, người dân tộc thiểu số, khuyết tật và nữ giới thực hiện chiến dịch vận động bầu cử nhằm thu hút cử tri bỏ phiếu cho họ để có đại diện trong các cơ quan dân cử.

Bỏ phiếu

Hầu hết người ứng cử đều có cơ hội tiếp xúc cử tri để vận đồng bầu cử thông qua trình bày chương trình hành động. Tuy nhiên số lượng cử tri tham gia các hoạt động này cũng còn hạn chế. Chỉ có 340.696 cử tri tham dự 2.192 hội nghị tiếp xúc cử tri của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và 6.367.095 cử tri tham dự 121.084 hội nghị cử tri của những người ứng cử đại biểu HĐND các cấp[45]. Điều này cho thấy hơn 80% cử tri (cả nam và nữ) trên cả nước không tham dự các hội nghị tiếp xúc cử tri.

10 trong số 13 thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử, nữ giới trúng cử và không trúng cử được phỏng vấn xác nhận rằng tình trạng bỏ phiếu hộ vẫn còn diễn ra trên thực tế. Điều này cho thấy, nữ giới vừa bỏ phiếu hộ người khác vừa nhờ người khác bỏ phiếu hộ mình. Mặt khác, nhiều cử tri (cả nam lẫn nữ) thường hỏi người khác về lựa chọn người ứng cử nào để bỏ phiếu nên không có sự lựa chọn chính xác. Bởi vậy, có nhiều nữ giới vô tình không trúng cử. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do cử tri là người cao tuổi, ở vùng sâu vùng xa, có nhận thức giới hạn về quyền bầu cử cũng như không có quy định về giám sát chặt chẽ việc bỏ phiếu của mỗi cử tri (mỗi cử tri một lá phiếu) hay vì chủ nghĩa thành tích khi cố gắng hoàn thành bỏ phiếu sớm với tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu cao. Không quy trách nhiệm của các thành viên tổ bầu cử để xẩy ra hiện tượng cử tri bỏ phiếu hộ.

Kết quả bầu cử

Kết quả bầu cử không phản ánh bình đẳng thực chất trong các cơ quan dân cử do các đại biểu nữ có tỷ lệ thấp và số lượng nữ giới nắm giữ vị trí lãnh đạo trong các cơ quan này còn hạn chế.

Từ kết quả bầu cử cho thấy tỷ lệ nữ giới trúng cử còn thấp, chưa đạt mức tối thiểu là 30% để đảm bảo tính đại diện trong quá trình ra quyết định và không đạt mục tiêu của Chính phủ đề ra[46]. Cụ thể, nữ đại biểu Quốc hội khóa XIII chỉ chiếm 24,4% và giảm đều qua 3 nhiệm kỳ (27,3% trong Khóa XI và 25,6% trong khóa XII), tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 cho thấy có sự tăng lên nhưng không đáng kể ở cả ba cấp (khoảng 2%) và vẫn chưa đạt chỉ tiêu 30%.

[45] Nguồn: Báo cáo 453/BC-HĐBC
[46] Quốc hội, Bộ Nội vụ và Hội Phụ nữ, 2011

Biểu đồ 1: Nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 so sánh với các nhiệm kỳ trước

Đơn vị: %

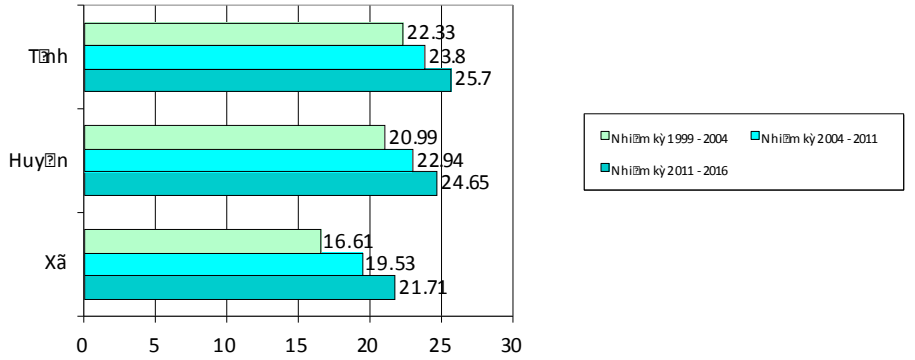

Nguồn: Tài liệu Đại hội Hội LHPNVN toàn quốc 2007, 2012

Ở nhiều tỉnh, không có lãnh đạo nữ trong HĐND và trong các ban của HĐND. Ví dụ tỉnh Hòa Bình, Chủ tịch, Phó chủ tịch và trưởng của 3 ban của HĐND tỉnh đều là nam giới, chỉ có 1 phó ban là nữ giới; ở tỉnh Nam Định, không có nữ giới được bầu làm Chủ tịch, Phó chủ tịch, Trưởng ban hay Phó trưởng ban HĐND cấp tỉnh.

Đại biểu chuyên trách là nữ giới trong Quốc hội chiếm tỷ lệ thấp và trong nhiều HĐND cấp tỉnh không có nữ đại biểu chuyên trách. Tỷ lệ nam đại biểu chuyên trách ở Quốc hội là 26,6% còn nữ đại biểu chuyên trách chỉ đạt 5,2%; không có nữ giới trong tổng số 5 đại biểu chuyên trách của HĐND tỉnh Nam Định.

Đại biểu thuộc cơ cấu kết hợp có tiếng nói ảnh hưởng thấp vì hầu hết làm việc trong các đơn vị cơ sở, nơi họ ít có cơ hội và điều kiện thuận lợi để tiếp cận thông tin và tìm hiểu về tình hình kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô. Nữ giới chiếm đa số trong số các đại biểu thuộc cơ cấu kết hợp, khoảng 35,24% đại biểu nữ Quốc hội khóa XIII thuộc cơ cấu kết hợp trong khi tỷ lệ này đối với nam chỉ là 4,7%[47]; 36,4% nữ đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2011 - 2016 thuộc cơ cấu kết hợp trong khi đại biểu nam chỉ chiếm 8,6%[48].

[47] Nguồn: Baucuquochoikhoa13.quochoi.vn/news
[48] Nguồn: Tuyên bố của Ủy ban Bầu cử tỉnh Hòa Bình ngày 22 tháng 4 năm 2011 về danh sách ứng viên bầu cử đại biểu tỉnh Hòa Bình

Bảng 4: Tỷ lệ nữ đại biểu và nam đại biểu Quốc hội khóa XIII thuộc cơ cấu kết hợp

	Số lượng đại biểu Quốc hội	Đại biểu thuộc cơ cấu kết hợp		Đại biểu thuộc dân tộc thiểu số		Đại biểu ngoài Đảng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tổng số	500	61	12.2	78	15.6	42	8.4
Nữ	122	43	35.2	26	21.3	20	16.4
Nam	378	18	4.7	52	13.7	22	5.8

Nguồn: Baucuquochoikhoa13.quochoi.vn/news

Tỷ lệ nữ đại biểu chuyên trách còn thấp dẫn đến rất ít nữ giới giữ vị trí lãnh đạo trong các cơ quan dân cử, chứng tỏ rằng bình đẳng giới thực chất trong các cơ quan dân cử chưa đạt được, phản ánh sự phân biệt đối xử về giới trong lĩnh vực chính trị.

KHUYẾN NGHỊ

Để đảm bảo cho cho các cuộc bầu cử diễn ra dân chủ, công bằng, bình đẳng và không phân biệt đối xử, nữ giới phải có cơ hội ngang bằng với nam giới trong tham gia tất cả các khía cạnh của quy trình bầu cử. Có thể hiểu rằng, quyền tham gia bầu cử có ý nghĩa nhiều hơn so với quyền bỏ phiếu, quyền ứng cử và được trúng cử làm đại biểu dân cử. Nó bao gồm quyền của cả nam giới và nữ giới được trở thành thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, được đối xử công bằng và không phân biệt đối xử trong danh sách ứng viên, được thể hiện ý kiến tại các hội nghị tiếp xúc cử tri, v.v. Để đảm bảo các quyền này được duy trì, luật bầu cử cần phải rõ ràng, toàn diện và minh bạch để đảm bảo nữ giới và nam giới tham gia bình đẳng vào quá trình bầu cử.

Các khuyến nghị tới Cơ quan soạn thảo Luật BCĐBQH&ĐBHĐND được xây dựng dựa trên ICCPR, CEDAW, Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc nhằm tăng cường sự tham gia của nữ giới trong các cuộc bầu cử, Hiến pháp nước CHXHCNVN 2013, những kinh nghiệm quốc tế, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội (LBCĐBQH) và Luật Bầu cử đại biểu HĐND (LBCĐBHĐND) hiện hành, Luật Bình đẳng giới (LBĐG), những văn bản hướng dẫn bầu cử và báo cáo thực hiện bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 như đã phân tích ở trên và dựa trên Dự thảo Luật BCĐBQH&ĐBHĐND (ngày 9/9/2014).

Nhìn chung, nguyên tắc bình đẳng và dân chủ trong bầu cử đã được khẳng định tại Điều 1 của Dự thảo. Theo đó, "Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín" và tại Điều 4.2 với vai trò giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH). Nhưng những quy định này là chưa đủ để đảm bảo nguyên tắc công bằng và không phân biệt đối xử được áp dụng trong bầu cử. Ngoài ra, những vấn đề được quan tâm nhất liên quan tới nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong bầu cử, chỉ tiêu giới, các bước trong quy trình giới thiệu người ứng cử để đảm bảo chỉ tiêu giới, vai trò của UBTVQH trong đảm bảo công bằng giới và không phân biệt đối xử, thời gian dành cho mỗi giai đoạn trong quy trình bầu cử và vai trò của Hội LHPNVN làm việc với các bên liên quan tới bầu cử, giải pháp tránh hiện tượng bầu thay, bầu hộ và xử lý vi phạm trong bầu cử sẽ được khuyến nghị nhằm thúc đẩy hơn nữa bình đẳng giới thực chất trong cơ quan dân cử các cấp.

3.1 Quy định về các nguyên tắc công bằng và không phân biệt đối xử trong quy trình bầu cử

Giữ nguyên Điều 2 như quy định trong LBCĐBQH và LBCĐBHĐND hiện hành: "Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, giới tính, địa vị xã hội, niềm tin, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thời gian cư trú, đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp theo quy định của pháp luật"

Bổ sung một điều vào Chương 1: "Việc dự kiến cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; các bước hiệp thương lựa chọn và giới thiệu người ứng cử; và sắp xếp danh sách người ứng cử được thực hiện trên nguyên tắc công bằng và không phân biệt đối xử".

3.2 Quy định rõ ràng về chỉ tiêu đại biểu nữ giới và nam giới

Phương án 1:

- Bổ sung vào Điều 6.4: "đảm bảo tối thiểu 35% số lượng đại biểu mỗi giới "
- Bổ sung vào Điều 7.1: "đảm bảo tối thiểu 35% số lượng đại biểu mỗi giới "
- Bổ sung vào Điều 7.2: "đảm bảo tối thiểu 35% số lượng đại biểu mỗi giới"

Phương án 2:

- Bổ sung vào Điều 6.4: "Số lượng đại biểu Quốc hội là nữ giới không thấp hơn 35% tổng số đại biểu"
- Bổ sung vào Điều 7.1: "Số lượng đại biểu HĐND là nữ giới không thấp hơn 35% tổng số đại biểu"
- Bổ sung vào Điều 7.2: "Số lượng đại biểu HĐND là nữ giới không thấp hơn 35% tổng số đại biểu"

3.3 Quy định chỉ tiêu giới trong quy trình lựa chọn và giới thiệu người ứng cử để đảm bảo tối thiểu 35% đại biểu mỗi giới được bầu

- Bổ sung vào các Điều 40.2, 41.2 và 50.2: "Danh sách sơ bộ những người ứng cử phải đảm bảo tối thiểu 45% người ứng cử thuộc mỗi giới".
- Bổ sung vào các Điều 45.2, 46.2 và 53.2: "Danh sách chính thức những người ứng cử phải đảm bảo tối thiểu 40% người ứng cử thuộc mỗi giới. Đảm bảo tính tương đồng về trình độ văn hóa và vị trí công tác giữa những người ứng cử của mỗi đơn vị bầu cử".

- Bổ sung một điểm vào Điều 55: "Trong danh sách những người ứng cử đại biểu HĐND phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của người ứng cử. Danh sách những người ứng cử được xếp theo vần chữ cái A, B, C..."

3.4 Quy định về trách nhiệm của các bên liên quan trong đảm bảo chỉ tiêu đại biểu và người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND thuộc mỗi giới

- Bổ sung vào Điều 4: "UBTVQH có trách nhiệm cao nhất đảm bảo bình đẳng giới trong bầu cử từ các bước dự kiến và điều chỉnh cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội và hướng dẫn bầu cử đại biểu HĐND các cấp. Thường trực HĐND, UBBCQG và các tổ chức phụ trách bầu cử địa phương, Chính phủ và UBND các cấp, MTTQVN và Hội LHPNVN đảm bảo bình đẳng về tiêu chuẩn của những người ứng cử thuộc bất kỳ giới tính nào.
- Bổ sung vào Điều 95: "Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan vi phạm nguyên tắc dân chủ, công bằng, bình đẳng và không phân biệt đối xử trong bầu cử sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật".

3.5 Quy định về chỉ tiêu thành viên HĐBCQG và các tổ chức phụ trách bầu cử cấp địa phương thuộc mỗi giới

- Bổ sung vào Điều 14: "Tỷ lệ thành viên HĐBCQG thuộc mỗi giới không thấp hơn 30%. Thành viên HĐBCQG không được phép ứng cử đại biểu Quốc hội".
- Bổ sung vào các Điều 19.1, 20.1, 21.1, 21.2, 22.1: "Tỷ lệ thành viên của Ủy ban/Đơn vị/Tổ bầu cử thuộc mỗi giới không thấp hơn 30%. Thành viên của Ủy ban/Ban/Tổ bầu cử không được phép ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND".

3.6 Kéo dài thời gian kể từ ngày công bố bầu cử đến ngày bầu cử để các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người ứng cử chuẩn bị bầu cử một cách hiệu quả

- Thay đổi ngày ấn định và công bố ngày bầu cử tại Điều 68.1: "Ngày bầu cử phải là ngày Chủ nhật, do UBTVQH ấn định và công bố chậm nhất là một trăm năm mươi ngày trước ngày bầu cử".

- Trên cơ sở điều chỉnh ngày ấn định và công bố ngày bầu cử, các ngày thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử, dự kiến và điều chỉnh cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND, tổ chức các hội nghị hiệp thương và hội nghị cử tri, niêm yết danh sách cử tri và niêm yết danh sách những người ứng cử, vận động bầu cử cần được điều chỉnh trong các Điều 6.1, 8.2, 8.3, 19.1, 20.1, 21.1, 21.2, 22.1, 28, 29, 34.1, 35.1, 36, 40.1, 41.1, 44, 45.1, 46.1, 47.1, 48, 50.1, 53.1, 54.1, 54.2, 54.4, 55.1, 55.2, 56.

3.7 Quy định về vai trò của Hội LHPNVN làm việc với các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan trong lập danh sách những người ứng cử tiềm năng là nữ giới

- Bổ sung vào Điều 4: "Hội LHPNVN làm việc với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để lập danh sách những nữ giới tiềm năng đáp ứng các tiêu chí đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND để giới thiệu ứng cử, giám sát việc thực hiện bình đẳng giới trong bầu cử và tổ chức các chương trình tập huấn cho người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu HĐND là nữ giới".

3.8 Quy định về việc kiểm tra giấy từ tùy thân của cử tri góp phần tránh hiện tượng bầu thay, bầu hộ

- Xem xét quy định lập danh sách cử tri bao gồm thông tin về giới tính và số chứng minh thư nhân dân tại Điều 25.2
- Xem xét quy định về việc kiểm tra số chứng minh thư nhân dân của cử tri tại Điều 71
- Bổ sung Điều 71: "Sẽ có hình thức xử phạt những thành viên của Tổ bầu cử để cho cử tri có thể bỏ nhiều hơn một phiếu bầu"
- Bổ sung điều 71.4: "Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, tàn tật, mang thai hoặc mới sinh con không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri nhận phiếu và bầu.

3.9 Quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyên truyền, vận động bầu cử và lựa chọn người trúng cử

- Bổ sung Điều 64: "Phân biệt đối xử trong thông tin, giáo dục và truyền thông về bầu cử bị nghiêm cấm. Các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông về quyền bầu cử, chỉ tiêu đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND thuộc mỗi giới và kỹ năng vận động bầu cử do Hội LHPNVN và

các tổ chức xã hội tổ chức được xem là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong bầu cử"

- Bổ sung Điều 77: "Trong số đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu, người ứng cử được quá nửa số phiếu hợp lệ và được nhiều phiếu hơn là người trúng cử. Trong trường hợp nhiều người được số phiếu bằng nhau thì nữ giới là người trúng cử. Trong trường hợp nhiều người có cùng giới tính được số phiếu bầu bằng nhau thì người cao tuổi hơn là người trúng cử".

3.10 Quy định về việc lập biên bản và báo cáo tổng kết bầu cử với số liệu có tách biệt giới

- Bổ sung vào điều 83 và 84: "Số lượng đại biểu Quốc hội và HĐND, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND, số lượng cử tri và số lượng cử tri đi bầu có tách biệt về giới tính"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anita Vandenbeld và Hà Hoa Lý, "Đại biểu nữ trong Quốc hội Việt Nam hướng tới tương lai"
2. Bùi Xuân Đức, 2013, Xác định mối quan hệ giữa HĐBCQG với các cơ quan, tổ chức (UBTVQH, Chính phủ, UBTWMTTQVN, HĐND, UBND) trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội theo Hiến pháp 2013
3. Cepew-OxFam, 2012, Báo cáo nghiên cứu nữ giới tham gia chính trị ở Đăk Lăk và Lào Cai
4. Cepew-ActionAid, 2013, Báo cáo nghiên cứu nữ giới tham gia chính trị tại 5 tỉnh thuộc Hà Nội, Quảng Ninh, Đăk Lăk, TP Hồ Chí Minh và Trà Vinh
5. Thông tư số 29/TT-HDND ngày 25-02-2011 Thường trực HĐND tỉnh Hòa Bình về dự kiến cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2011 - 2016;
6. Hiến pháp Cuba
7. Hiến pháp Bỉ
8. Hiến pháp Thụy Điển (ban hành năm 1974 và có hiệu lực từ 1/1/1975)
9. Hiến pháp 2013 của Nước CHXHCNVN
10. Công ước Quốc tế về các quyền dân sự, chính trị
11. Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại nữ giới
12. Quyết định số 03/UBBC của UBBC đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh Nam Định
13. Quyết định số 01/QĐ-UBBC ngày 17-02-2011 của Tỉnh ủy tỉnh Hòa Bình về việc thành lập các tiểu ban hỗ trợ UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 - 2016
14. Quyết định số 03/QĐ-HDBC ngày 09-02-2011 của HĐBC về việc thành lập các tiểu ban hướng dẫn, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016
15. Quyết định số 28 ngày 14-02-2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập UBBC đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016
16. Quyết định số 52-QĐ/TU ngày 14-02-2011 của Tỉnh ủy tỉnh Tuyên Quang

về việc thành lập Ban chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 - 2016

17. Quyết định số 42-QĐ/TTg ngày 16-02-2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu HĐND các cấp
18. Quyết định của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016
19. Quyết định của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016
20. PGS.TS Nguyễn Thanh Hải, 2008, Nhu cầu tăng quyền được tự ứng cử và tăng chất lượng đại biểu nữ giới trong bầu cử đại biểu HĐND
21. Thông báo số 02/TB-UBBC của UBBC tỉnh Hòa Bình về phân công nhiệm vụ cho các thành viên UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND khóa 15 nhiệm kỳ 2011 - 2016
22. Thông báo số 02/TB-UBBC ngày 22-04-2011 của UBBC đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2011 – 2016 (kèm theo danh sách)
23. Thông báo số 04/TB-UBBC ngày 28-05-2011 của UBBC đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh Tuyên Quang khóa 17 nhiệm kỳ 2011 – 2016 (kèm theo danh sách)
24. Thông báo số 34/TB-MT-BTT ngày 01-03-2011 của Ủy ban thường trực MTTQVN tỉnh Hòa Bình về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu HĐND khóa 15 nhiệm kỳ 2011 - 2016
25. Thông tư số 37/TT-HĐND ngày 10-03-2011 của Thường trực HĐND tỉnh Hòa Bình về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình khóa 15 nhiệm kỳ 2011 - 2016
26. Thông tư số 39/TT-HĐND ngày 11-03-2011 của Thường trực HĐND tỉnh Hòa Bình về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình khóa 15 nhiệm kỳ 2011 - 2016
27. Văn bản số 02/HĐBC ngày 24/01/2011 của HĐBC về phân công công việc của các thành viên HĐBC
28. Luật Bầu cử Thụy Điển (2005:837)
29. Nghị viện Châu Âu, 2011, Hệ thống chỉ tiêu giới trong bầu cử và thực thi ở Châu Âu
30. Jean Munro, 2012, Nữ giới tham gia lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam
31. Ilja A. Luciak, Đảng và Nhà nước ở Cuba: Bình đẳng giới và Ra quyết định trong lĩnh vực chính trị
32. Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 05-01-2011 của Bộ Chính trị về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 - 2016
33. Chỉ thị số 50/CT-UBND của UBND tỉnh Hòa Bình về việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 -

2016

34. Chỉ thị số 192-CT-TTg dated 30-01-2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 - 2016
35. Luật bầu cử đại biểu Quốc hội (sửa đổi và bổ sung 2010)
36. Luật bầu cử đại biểu HĐND (sửa đổi và bổ sung 2010)
37. Luật Bình đẳng giới, 2006
38. Danh sách đại biểu trúng cử HĐND huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình
39. Danh sách những người ứng cử và trúng cử đại biểu HĐND xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình
40. Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, Chuyên đề đặc biệt Báo Nhân dân ngày 28-4- 2011
41. Danh sách những người ứng cử và trúng cử đại biểu HĐND tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2011 - 2016
42. Danh sách đại biểu HĐND tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2011 - 2016
43. Danh sách thành viên UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 tỉnh Tuyên Quang
44. Danh sách thành viên UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 tỉnh Nam Định
45. Danh sách thành viên và phân công nhiệm vụ của các thành viên UBBC đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016 tỉnh Hòa Bình
46. Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII của HĐBCTW
47. Danh sách những người trúng cử đại biểu HĐND tỉnh Thừa Thiên-Huế nhiệm kỳ 2011 - 2016
48. Danh sách những người trúng cử đại biểu HĐND tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2011 - 2016
49. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020
50. Kế hoạch số 01/KH-HĐBC ngày 24-01-2011 của HĐBCTWW về kế hoạch bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016
51. Kế hoạch số 02/KH-HĐBC ngày 24-01-2011 của HĐBCTW về phân công công việc của thành viên Hội đồng bầu cử
52. Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 14-02-2011 của Thường trực Tỉnh ủy Tuyên Quang về công tác chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016
53. Paul Schuler, 2014, Nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam, từ tham gia đến đại diện

54. Pippa Norris và Mona Lena Krook, 2011, Bình đẳng giới trong các cơ quan dân cử: 6 bước để lập kế hoạch hành động

55. Báo cáo số 124/BC-MT-BTT ngày 29-03-2011 của Thường trực UBM-TTQVN tỉnh Hòa Bình về kết quả hiệp thương lần thứ hai và kết quả giới thiệu người ứng cử từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phản hồi và tín nhiệm của cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016

56. Báo cáo số 527/BC-SNV ngày 05-04-2011 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về công tác bầu cử bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016

57. Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác cán bộ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

58. Sabine de Bethune và Els Van Hoof, Vấn đề giới trong các đảng chính trị và bầu cử ở Bỉ

59. Báo cáo tổng kết công tác tuyên truyền cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2011 – 2016

60. Nguyễn Nhân Tố, Kỷ yếu hội thảo "Thể chế hóa Hội đồng bầu cử quốc gia và sửa đổi Luật bầu cử ở Việt Nam"

61. Liên Hợp Quốc, 2005, Nữ giới và Bầu cử - Hướng dẫn tăng cường sự tham gia của nữ giới trong quá trình bầu cử

62. Vương Thị Hanh và Ngô Thị Thu Hà, 2011, Báo cáo của các tổ chức phi chính phủ về thực hiện Công ước CEDAW tại Việt Nam, Chủ đề nữ giới tham gia chính trị

DANH SÁCH TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

Stt	Họ và tên	Giới tính	Đảng viên ĐCS	Chức danh
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	X	Ủy viên TW Đảng, CT Hội LHPN Việt Nam, Uỷ viên HĐBC TW, Đại biểu Quốc hội khóa XIII
2	Nguyễn Duy Thường		X	Nguyên PCT MTTQ Việt Nam, Ủy viên HĐBC TW
3	Bùi Thị An	Nữ	X	Đại biểu Quốc hội Khóa XIII
4	Nguyễn Thị Minh Hà	Nữ	X	Nguyên CT Hội LHPN TP Hà Nội, Ủy viên UBBC Tp Hà Nội, nguyên đại biểu Quốc hội Khóa XII
5	Vương Thúy Ngân	Nữ	X	CT Hội LHPN tỉnh Tuyên Quang, Ủy viên UBBC tỉnh
6	Nguyễn Thị Minh Hồng	Nữ	X	Nguyên CT Hội LHPN Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Ủy viên UBBC Quận, ứng cử đại biểu Quốc hội nhưng không trúng cử
7	Nghiêm Phú Doãn		X	PCT MTTQ tỉnh Hòa Bình, Ủy viên UBBC tỉnh Hòa Bình
8	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	X	CT Hội LHPN tỉnh Hòa Bình, Ủy viên UBBC tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh
9	Phan Thị Bích	Nữ	X	Bí thư Đảng ủy Phường Tân Thịnh-Tp Hòa Bình, đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình
10	Quách Thị Thuần	Nữ	X	PGĐ Ngân hàng TMCP Công thương VN, chi nhánh Hòa Bình, Đại biểu HĐND tỉnh Hòa Bình
11	Bùi Xuân Diệu		X	CT MTTQ xã Dũng Phong – Cao Phong – Hòa Bình, Ủy viên UBBC xã
12	Bùi Thị Vuông	Nữ	X	PCT Hội LHPN xã Dũng Phong – Cao Phong – Hòa Bình – Đại biểu HĐND xã
13	Bùi Thị Hạnh	Nữ	X	Chi hội trưởng PN xã Dũng Phong, không trúng cử đại biểu HĐND xã